

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH
CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

LỚP 11B3

NĂM HỌC: 2024-2025

THPT CHU VĂN AN

Huyện/Quận/Thị xã/Thành phố: Huyện Cần Đức

Tỉnh/Thành phố: Tỉnh Long An

SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
THPT CHU VĂN AN

Xã (phường, thị trấn): Thị trấn Cần Đức

Huyện (quận, TX, TP thuộc tỉnh): Huyện Cần Đức

Tỉnh(thành phố): Tỉnh Long An

Lớp 11B3 Năm học: 2024-2025

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM

(Ký và ghi rõ họ tên)

Hiệu trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phạm Thị Thanh Giang

Nguyễn Minh Triều

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH

1. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) được quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
2. Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) do nhà trường quản lý và sử dụng.
3. Giáo viên môn học trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) đầy đủ các thông tin cần thiết của môn học do giáo viên phụ trách, khớp với các thông tin trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (của giáo viên), kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học. Trường hợp có nhiều giáo viên cùng tham gia dạy học thì các giáo viên môn học cùng kí tên và ghi rõ họ tên vào cuối danh sách học sinh đối với từng môn học.

Giáo viên chủ nhiệm trực tiếp ghi vào Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) những thông tin thuộc nhiệm vụ quy định cho giáo viên chủ nhiệm lớp.
4. Không ghi bằng mực đỏ (trừ trường hợp sửa chữa), các loại mực có thể tẩy xóa được; việc ghi Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) phải cập nhật đúng tiến độ thời gian theo kế hoạch dạy học và giáo dục của tổ chuyên môn và bảo quản, giữ gìn cẩn thận, sạch sẽ.
5. Khi sửa chữa dùng bút đỏ gạch ngang nội dung cũ, ghi nội dung mới vào phía trên bên phải vị trí ghi nội dung cũ, ký xác nhận về sự sửa chữa ở ngay cạnh hoặc ở cột Ghi chú.
6. Nhà trường, giáo viên chủ nhiệm lớp, giáo viên môn học chỉ cung cấp các thông tin về kết quả rèn luyện và học tập của học sinh trong Sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) cho riêng từng học sinh hoặc cha mẹ học sinh.

SƠ YẾU LÝ LỊCH HỌC SINH

Số TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Nam/ Nữ	Đối tượng ưu tiên	Địa chỉ gia đình
1	Nguyễn Hoài An	03/06/2008	Long An	Kinh	Nam		ấp 1, xã Phước Đông, Cần Đức, Long An
2	Nguyễn Ngọc Văn Anh	03/06/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		ấp 1, xã Phước Tuy, Cần Đức, Long An
3	Lê Hoài Ân	25/01/2008	Long An	Kinh	Nam		ấp Nhà Trường, xã Tân Lân, Cần Đức, Long An
4	Lữ Gia Bảo	15/09/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		ấp 4 xã Phước Đông, Cần Đức, Long An
5	Nguyễn Thiên Bảo	02/08/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		ấp 5, xã Phước Đông, Cần Đức, Long An
6	Nguyễn Giang Minh Châu	27/08/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		ấp 5, xã Tân Ân, Cần Đức, Long An
7	Nguyễn Minh Dương	05/07/2008	Long An	Kinh	Nam		ấp 4, xã Phước Đông, Cần Đức, Long An
8	Nguyễn Tấn Đạt	13/03/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		khu 2, Thị trấn Cần Đức, Cần Đức, Long An
9	Phạm Tiến Đạt	08/04/2008	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		ấp 4, xã Tân Ân, Cần Đức, Long An
10	Vô Tấn Đó	07/09/2008	Long An	Kinh	Nam		ấp 2, xã Phước Đông, Cần Đức, Long An
11	Vô Thị Hồng Gấm	23/01/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		Ấp 6, xã Phước Đông, Cần Đức, Long An
12	Nguyễn Thị Ngọc Hân	30/08/2008	Long An	Kinh	Nữ		ấp Đông Trung, xã Tân Chánh, Cần Đức, Long An
13	Huỳnh Thanh Hoàng	28/02/2008	Long An	Kinh	Nam		ấp Đông Trung, xã Tân Chánh, Cần Đức, Long An
14	Vô Minh Hùng	22/10/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		khu 7, TT Cần Đức, Cần Đức, Long An
15	Nguyễn Thị Tuyết Hương	01/01/2008	Long An	Kinh	Nữ		ấp 7, xã Phước Tuy, Cần Đức, Long An
16	Nguyễn Đăng Khôi	09/12/2008	Long An	Kinh	Nam		ấp 1, xã Phước Đông, Cần Đức, Long An
17	Huỳnh Minh Khôi	26/06/2008	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		ấp 4, xã Tân Ân, Cần Đức, Long An
18	Ngô Linh Lan	03/08/2008	Tiền Giang	Kinh	Nữ		khu 1C, TT Cần Đức, Cần Đức, Long An
19	Nguyễn Võ Hoàng Long	03/05/2008	Long An	Kinh	Nam		Ấp 3, xã Tân Ân, Cần Đức, Long An
20	Nguyễn Hữu Thành Long	30/10/2008	Long An	Kinh	Nam		ấp Hoà Quói, xã Tân Chánh, Cần Đức, Long An
21	Lâm Gia Lợi	07/09/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		ấp 6, xã Tân Ân, Cần Đức, Long An
22	Lâm Thị Thanh Mai	22/07/2008	Long An	Kinh	Nữ		ấp Đình, xã Tân Chánh, Cần Đức, Long An
23	Lê Hạo Nam	22/12/2008	Bình Dương	Kinh	Nam		ấp 5, Phước Tuy, Cần Đức, Long An
24	Trần Thị Tuyết Ngân	19/04/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		ấp 3, xã Phước Tuy, Cần Đức, Long An
25	Nguyễn Võ Phương Nhi	23/10/2008	Long An	Kinh	Nữ		ấp Nhà Dải, xã Tân Lân, Cần Đức, Long An
26	Phan Thị Hồng Nhung	04/12/2008	Long An	Kinh	Nữ		ấp Bình Hoà, xã Tân Lân, Cần Đức, Long An
27	Nguyễn Quỳnh Như	02/08/2008	Long An	Kinh	Nữ		ấp Bà Thoai, xã Tân Tân, Cần Đức, Long An
28	Tô Nguyễn Yến Như	16/10/2008	Long An	Kinh	Nữ		ấp 2, xã Phước Tuy, Cần Đức, Long An
29	Châu Thị Mỹ Nương	01/06/2008	Long An	Kinh	Nữ		ấp 1, xã Phước Đông, Cần Đức, Long An
30	Phạm Hải Oanh	31/01/2008	Hà Nam	Kinh	Nữ		khu 1B, TT Cần Đức, Cần Đức, Long An
31	Phạm Nhứt Phát	05/03/2008	Long An	Kinh	Nam		ấp 5, xã Phước Đông, Cần Đức, Long An
32	Lê Hoàng Gia Phúc	23/02/2008	Bà Rịa Vũng tàu	Kinh	Nam		khu 1B, TT Cần Đức, Cần Đức, Long An
33	Nguyễn Thiện Phúc	23/08/2008	Tiền Giang	Kinh	Nam		ấp Đông Trung, xã Tân Chánh, Cần Đức, Long An
34	Nguyễn Hoàng Quân	18/12/2008	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		ấp 5, xã Tân Ân, Cần Đức, Long An
35	Phạm Mỹ Sương	30/11/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		ấp 2, xã Phước Tuy, Cần Đức, Long An
36	Trần Văn Tâm	10/04/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		Ấp Bà Nghĩa, xã Tân Chánh, Cần Đức, Long An
37	Trần Tuấn Thành	25/05/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nam		ấp 6, xã Tân Ân, Cần Đức, Long An
38	Trần Thị Cẩm Thu	20/11/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		ấp Lăng, xã Tân Chánh, Cần Đức, Long An
39	Phạm Phương Thuý	12/04/2008	Long An	Kinh	Nữ		ấp Tân Mỹ, xã Mỹ Lệ, Cần Đức, Long An
40	Đào Hồng Anh Thư	09/05/2008	Long An	Kinh	Nữ		ấp Bà Thoại, xã Tân Lân, Cần Đức, Long An
41	Nguyễn Đặng Ánh Tuyết	20/09/2008	Thanh Hoá	Kinh	Nữ		Khu 2, TT Cần Đức, Cần Đức, Long An
42	Lê Trần Oanh Vy	20/07/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		ấp Bình Hoà, xã Tân Tân, Cần Đức, Long An
43	Hồ Ngọc Phương Vy	13/02/2008	Tp Hồ Chí Minh	Kinh	Nữ		ấp Bà Thoại, xã Tân Lân, Cần Đức, Long An
44	Nguyễn Ngọc Như Ý	28/09/2008	Long An	Kinh	Nữ		ấp 7, xã Tân Ân, Cần Đức, Long An

Số TT	Họ và tên cha, nghề nghiệp, điện thoại, email (hoặc người giám hộ)	Họ và tên mẹ, nghề nghiệp, điện thoại, email (hoặc người giám hộ)	Những thay đổi cần chú ý trong năm học (gia đình, sức khỏe, nơi ở ...)
1	Nguyễn Hữu Thoại - buôn bán	Phạm Thị Thanh Hoa - buôn bán	
2	Nguyễn Quốc Hùng - lao động tự do	Ngô Thị Mỹ Hạnh - Công nhân	
3	Lê Hoàng Ân - Sửa xe	Nguyễn Thị Mỹ Lệ - nội trợ	
4	Lữ Thanh Tùng - buôn bán	Nguyễn Ngọc Hạnh - buôn bán	
5	Nguyễn Phước Vũ - Công nhân	Đào Thị Thuý Linh - Công nhân	
6	Nguyễn Văn Thuận - Công nhân	Giang Thị Minh Trang - buôn bán	
7	Nguyễn Minh Hùng - thợ hồ	Nguyễn Thị Kim Lan - nội trợ	
8	Nguyễn Văn Nón - làm ruộng	Đặng Thị Mỹ Châu - công nhân	
9	Phạm Văn Nhất - buôn bán	Đỗ Thị Thuý An - buôn bán	
10	Võ Tấn Đắc - công nhân	Nguyễn Thị Kim Loan - công nhân	
11	Võ Văn Phúc - công nhân	Đỗ Thị Kim Ngọc - Công nhân	
12	Nguyễn Đức Việt - (Mất)	Nguyễn Thị Mỹ Hương - công nhân	
13	Huỳnh Công Sơn - buôn bán	Phạm Thị Kim Mộng - buôn bán	
14	Võ Phúc Hiền - công nhân	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - nội trợ	
15		Bùi Thị Hương - nội trợ	
16	Nguyễn Tấn Đạt - công nhân	Nguyễn Thị Đào - công nhân	
17	Huỳnh Minh Phong - đi ghe	Nguyễn Thị Hồng Loan - nội trợ	
18	Ngô Phúc Vinh - công nhân	Nguyễn Thị Phượng - công nhân	
19	Nguyễn Văn Hồng - làm thuê	Võ Thị Lệ Xuân - công nhân	
20	Nguyễn Văn Thông - chăn nuôi	Phạm Thị Bé Chín - buôn bán	
21	Lâm Văn Tuấn - làm thuê	Lê Thị Ngọc Diệp - công nhân	
22	Lâm Bá Hải - thợ hàn	Huỳnh Thị Thảo Sương - Thợ may	
23	Lê Văn Phong - công nhân	Nguyễn Thị Bích Chi - công nhân	
24	Trần Văn Phước - làm ruộng	Huỳnh Thị Tuyền - buôn bán	
25	Nguyễn Nam Hải - công nhân	Võ Thị Mỹ Nga - công nhân	
26	Phan Tuấn Thi - công nhân	Châu Thị Thanh Sang - công nhân	
27	Nguyễn Thành Nhân - làm ruộng	Lê Thị Mười - làm ruộng	
28	Tô Thanh Tâm - làm ruộng	Nguyễn Thị Thu Hương - làm ruộng	
29	Châu Văn Được - công nhân	Trần Võ Thị Huyền Trinh - công nhân	
30	Phạm Trọng Hà - Buôn bán	Nguyễn Thị Hoa - buôn bán	
31	Phạm Văn Hùng - Đi ghe	Cao thị Thuý - Nội trợ	
32	Lê Quốc Nghị - tài xế	Nguyễn Thị Kiều Nhi - buôn bán	
33	Nguyễn Văn Vân - Công nhân	Trần Thị Thắm - Công nhân	
34	Nguyễn Văn Đông - buôn bán	Đào Thị Ngọc Mai - buôn bán	
35	Phạm Minh Phúc - công nhân	Nguyễn Mỹ Nương - Đầu bếp	
36	Trần Văn Chí - Thợ điện	Nguyễn Thị Ngọc Xuân - nội trợ	
37	Trần Văn Linh - công nhân	Nguyễn Thị Kim Giang - công nhân	
38	Trần Văn Thức - lao động tự do	Nguyễn Thị Cẩm Tú - công nhân	
39	Phạm Ngọc Luận - làm ruộng	Đào Thị Bé Trí - làm ruộng	
40	Đào Minh Chiến - làm ruộng	Nguyễn Thị Hồng Hạnh - Làm ruộng	
41		Đặng Thị Vân - nội trợ	
42	Lê Vũ Minh - công nhân	Trần Thị Mỹ Hằng - công nhân	
43	Hồ Quốc Thịnh - Lao động tự do	Châu Thị Kiều - công nhân	
44	Nguyễn Văn Minh Tâm - tài xế	Nguyễn Thuý Linh - nội trợ	

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2		TS	P	K
1	Nguyễn Hoài An																																	0	0	0
2	Nguyễn Ngọc Vân Anh																																	0	0	0
3	Lê Hoài Ân																																	0	0	0
4	Lữ Gia Bảo																																	0	0	0
5	Nguyễn Thiên Bảo																																	0	0	0
6	Nguyễn Giang Minh Châu																																	0	0	0
7	Nguyễn Minh Dương																																	0	0	0
8	Nguyễn Tấn Đạt																																	0	0	0
9	Phạm Tiến Đạt																																	0	0	0
10	Võ Tấn Đồ																																	0	0	0
11	Võ Thị Hồng Gấm																																	0	0	0
12	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
13	Huỳnh Thanh Hoàng																																	0	0	0
14	Võ Minh Hùng																													P			1	1	0	
15	Nguyễn Thị Tuyết Hương																																	0	0	0
16	Nguyễn Đăng Khôi																																	0	0	0
17	Huỳnh Minh Khôi																																	0	0	0
18	Ngô Linh Lan																																	0	0	0
19	Nguyễn Võ Hoàng Long																																	0	0	0
20	Nguyễn Hữu Thành Long																																	0	0	0
21	Lâm Gia Lợi																																	0	0	0
22	Lâm Thị Thanh Mai																																	0	0	0
23	Lê Hạo Nam																																	0	0	0
24	Trần Thị Tuyết Ngân																																	0	0	0
25	Nguyễn Võ Phương Nhi																					P											1	1	0	
26	Phan Thị Hồng Nhung																																	0	0	0
27	Nguyễn Quỳnh Như																																	0	0	0
28	Tô Nguyễn Yến Như																																	0	0	0
29	Châu Thị Mỹ Nương																					P	P										2	2	0	
30	Phạm Hải Oanh																																	0	0	0
31	Phạm Nhật Phát																																	0	0	0
32	Lê Hoàng Gia Phúc								P																								1	1	0	
33	Nguyễn Thiện Phúc																																	0	0	0
34	Nguyễn Hoàng Quân																																	0	0	0
35	Phạm Mỹ Sương																																	0	0	0
36	Trần Văn Tâm																									P	P						2	2	0	
37	Trần Tuấn Thành																																	0	0	0
38	Trần Thị Cẩm Thu																																	0	0	0
39	Phạm Phương Thuý																																	0	0	0
40	Đào Hồng Anh Thư																																	0	0	0
41	Nguyễn Đặng Ánh Tuyết																																	0	0	0
42	Lê Trần Oanh Vy																																	0	0	0
43	Hồ Ngọc Phương Vy																																	0	0	0
44	Nguyễn Ngọc Như Ý										P	P	P																				3	3	0	
	Tổng số		0	0	0	0	0	0	1	0	1	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	2	0	0	1	1	0	0	1	0	0		10	10	0

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm	Hiệu trưởng
có phép: 100.00%	(Ký và ghi rõ họ tên)	(Ký tên, đóng dấu)
không phép: 0.00%		
	Phạm Thị Thanh Giang	Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 100.00%		
không phép: 0.00%		
	Phạm Thị Thanh Giang	Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)	Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
có phép: 77.78%		
không phép: 22.22%		
	Phạm Thị Thanh Giang	Nguyễn Minh Triều

Tỉ lệ:	Giáo viên chủ nhiệm <i>(Ký và ghi rõ họ tên)</i>	Hiệu trưởng <i>(Ký tên, đóng dấu)</i>
có phép: 88.89%		
không phép: 11.11%		
	Phạm Thị Thanh Giang	Nguyễn Minh Triều

S TT	Họ và tên	Ngày	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TS buổi nghỉ		
		Thứ	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6				TS	P	K
1	Nguyễn Hoài An																																	0	0	0
2	Nguyễn Ngọc Vân Anh																																	0	0	0
3	Lê Hoài Ân																																	0	0	0
4	Lữ Gia Bảo																																	0	0	0
5	Nguyễn Thiên Bảo																																	0	0	0
6	Nguyễn Giang Minh Châu																																	0	0	0
7	Nguyễn Minh Dương																			P													1	1	0	
8	Nguyễn Tấn Đạt																																	0	0	0
9	Phạm Tiến Đạt																						P										1	1	0	
10	Võ Tấn Đồ																																	0	0	0
11	Võ Thị Hồng Gấm																																	0	0	0
12	Nguyễn Thị Ngọc Hân																																	0	0	0
13	Huỳnh Thanh Hoàng																																	0	0	0
14	Võ Minh Hùng																																	0	0	0
15	Nguyễn Thị Tuyết Hương																																	0	0	0
16	Nguyễn Đăng Khôi																																	0	0	0
17	Huỳnh Minh Khôi																																	0	0	0
18	Ngô Linh Lan																																	0	0	0
19	Nguyễn Võ Hoàng Long																			P				P									2	2	0	
20	Nguyễn Hữu Thành Long												P																				1	1	0	
21	Lâm Gia Lợi											P	P	P	P	P	P			P	P	P										9	9	0		
22	Lâm Thị Thanh Mai																																	0	0	0
23	Lê Hạo Nam																																	0	0	0
24	Trần Thị Tuyết Ngân																																	0	0	0
25	Nguyễn Võ Phương Nhi																																	0	0	0
26	Phan Thị Hồng Nhung																																	0	0	0
27	Nguyễn Quỳnh Như																																	0	0	0
28	Tô Nguyễn Yến Như																																	0	0	0
29	Châu Thị Mỹ Nương																																	0	0	0
30	Phạm Hải Oanh																																	0	0	0
31	Phạm Nhật Phát																																	0	0	0
32	Lê Hoàng Gia Phúc													P																			1	1	0	
33	Nguyễn Thiện Phúc																																	0	0	0
34	Nguyễn Hoàng Quân																																	0	0	0
35	Phạm Mỹ Sương																																	0	0	0
36	Trần Văn Tâm																														K			1	0	1
37	Trần Tuấn Thành																																	0	0	0
38	Trần Thị Cẩm Thu																																	0	0	0
39	Phạm Phương Thuý																																	0	0	0
40	Đào Hồng Anh Thư																																	0	0	0
41	Nguyễn Đặng Ánh Tuyết																																	0	0	0
42	Lê Trần Oanh Vy																																	0	0	0
43	Hồ Ngọc Phương Vy																		P											P			2	2	0	
44	Nguyễn Ngọc Như Ý																																			

Tỉ lệ:
có phép: 94.44%
không phép: 5.56%

Giáo viên chủ nhiệm

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Thanh Giang

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Triều

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ I

HỌC KỲ I

Toán

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Nguyễn Hoài An	7,0	6,0	8,0	9,0		5,5	3,5	5,7	Ngoan, có cố gắng .
2	Nguyễn Ngọc Vân Anh	9,0	9,0	9,0	10,0		8,8	8,0	8,7	Học giỏi, tích cực học.
3	Lê Hoài Ân	8,0	7,0	7,0	9,0		4,8	6,0	6,5	Học khá.
4	Lữ Gia Bảo	8,0	7,0	8,0	9,0		6,8	5,3	6,8	Học khá, tích cực trong học tập.
5	Nguyễn Thiên Bảo	8,0	6,0	8,0	7,0		4,8	5,8	6,2	Ngoan, có cố gắng.
6	Nguyễn Giang Minh Châu	10,0	10,0	10,0	10,0		9,0	8,0	9,1	Học tốt, tích cực học, có trách nhiệm.
7	Nguyễn Minh Dương	6,0	6,0	6,0	9,0		6,5	4,5	5,9	Ngoan, có cố gắng.
8	Nguyễn Tấn Đạt	8,0	5,0	7,0	9,0		4,3	5,3	5,9	Có cố gắng trong học tập.
9	Phạm Tiến Đạt	8,0	6,0	6,0	7,0		6,3	5,3	6,2	Có cố gắng trong học tập.
10	Võ Tấn Đô	8,0	7,0	5,0	9,0		5,8	5,3	6,3	Ngoan, có cố gắng trong học tập.
11	Võ Thị Hồng Gấm	8,0	9,0	8,0	9,0		8,3	6,5	7,8	Học khá, chăm ngoan.
12	Nguyễn Thị Ngọc Hân	7,0	6,0	6,0	8,0		5,0	3,5	5,3	Có cố gắng trong học tập.
13	Huỳnh Thanh Hoàng	8,0	7,0	7,0	7,0		6,3	6,0	6,6	Học khá, có cố gắng.
14	Võ Minh Hùng	10,0	9,0	7,0	9,0		6,3	5,5	7,1	Học khá, cố gắng nhiều trong học tập.
15	Nguyễn Thị Tuyết Hương	7,0	7,0	8,0	10,0		7,3	6,3	7,3	Học khá, cố gắng nhiều trong học tập.
16	Nguyễn Đăng Khôi	10,0	6,0	8,0	8,0		7,5	8,5	8,1	Chăm, học giỏi.
17	Huỳnh Minh Khôi	8,0	6,0	7,0	7,0		4,8	2,5	5,0	Cần cố gắng nhiều.
18	Ngô Linh Lan	8,0	6,0	7,0	9,0		6,0	5,3	6,4	Có cố gắng trong học tập.
19	Nguyễn Võ Hoàng Long	8,0	5,0	6,0	9,0		6,0	5,0	6,1	Có cố gắng trong học tập.
20	Nguyễn Hữu Thành Long	8,0	5,0	6,0	8,0		5,3	5,0	5,8	Cần cố gắng nhiều.
21	Lâm Gia Lợi	9,0	10,0	9,0	8,0		8,3	7,3	8,3	Học giỏi.
22	Lâm Thị Thanh Mai	9,0	8,0	7,0	10,0		7,8	6,0	7,5	Học khá, có tiến bộ trong học tập.
23	Lê Hạo Nam	7,0	4,0	5,0	9,0		5,5	3,0	5,0	Cần cố gắng nhiều.
24	Trần Thị Tuyết Ngân	10,0	6,0	7,0	9,0		6,3	6,5	7,1	Học khá, có tiến bộ trong học tập.
25	Nguyễn Võ Phương Nhi	9,0	7,0	8,0	8,0		6,0	6,3	7,0	Học khá, có cố gắng trong học tập.
26	Phan Thị Hồng Nhung	8,0	9,0	8,0	9,0		5,5	6,5	7,2	Học khá, có cố gắng trong học tập.
27	Nguyễn Quỳnh Như	10,0	10,0	10,0	10,0		7,3	7,0	8,4	Học giỏi, chăm, tích cực học.
28	Tô Nguyễn Yến Như	10,0	10,0	10,0	10,0		8,8	9,5	9,6	Học tốt, tinh thần tự học cao.
29	Châu Thị Mỹ Nương	9,0	9,0	9,0	10,0		5,5	6,0	7,3	Học khá, có cố gắng trong học tập.
30	Phạm Hải Oanh									
31	Phạm Nhựt Phát	8,0	7,0	7,0	8,0		7,0	5,0	6,6	Học khá, có cố gắng.
32	Lê Hoàng Gia Phúc	9,0	7,0	6,0	7,0		7,0	4,5	6,3	Có cố gắng trong học tập.
33	Nguyễn Thiện Phúc	10,0	9,0	9,0	10,0		7,5	7,5	8,4	Học giỏi, tích cực học.
34	Nguyễn Hoàng Quân	10,0	9,0	10,0	10,0		8,0	7,5	8,6	Học giỏi, tích cực học.
35	Phạm Mỹ Sương	10,0	10,0	10,0	10,0		9,0	9,0	9,4	Học tốt, tích cực học.
36	Trần Văn Tâm	3,0	4,0	2,0	5,0		4,8	3,5	3,8	Cần cố gắng nhiều.
37	Trần Tuấn Thành	7,0	4,0	8,0	9,0		5,5	4,3	5,8	Cố gắng nhiều trong học tập.
38	Trần Thị Cẩm Thu	9,0	8,0	8,0	9,0		7,0	6,5	7,5	Học khá, có tiến bộ trong học tập.
39	Phạm Phương Thuý	8,0	6,0	7,0	9,0		5,8	5,8	6,6	Học khá, có cố gắng.
40	Đào Hồng Anh Thư	9,0	8,0	9,0	10,0		7,0	7,5	8,1	Học giỏi, chăm, tích cực học.
41	Nguyễn Đặng Ánh Tuyết	10,0	9,0	9,0	10,0		7,8	8,0	8,6	Học giỏi, ngoan, tích cực học.
42	Lê Trần Oanh Vy	9,0	8,0	8,0	9,0		7,5	6,0	7,4	Học khá, ý thức học tốt.
43	Hồ Ngọc Phương Vy	6,0	6,0	8,0	8,0		6,0	5,0	6,1	Cố gắng nhiều trong học tập.
44	Nguyễn Ngọc Như Ý	9,0	7,0	9,0	9,0		5,0	6,3	7,0	Học khá, ý thức học tốt.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Xuân

Vật lý HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐDGtx					ĐDGgk	ĐDGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Nguyễn Hoài An	7,0	5,0	5,0			5,8	6,0	5,8	Học đạt, cần cố gắng hơn.	
2	Nguyễn Ngọc Vân Anh	7,0	6,0	7,0			6,0	7,0	6,6	Học khá, chăm ngoan.	
3	Lê Hoài Ân	8,0	6,0	7,0			5,0	5,3	5,9	Học đạt, cần cố gắng hơn.	
4	Lữ Gia Bảo	8,0	5,0	7,0			6,5	6,5	6,6	Học khá, có cố gắng.	
5	Nguyễn Thiên Bảo	7,0	6,0	8,0			6,3	6,3	6,6	Học khá, có cố gắng.	
6	Nguyễn Giang Minh Châu	8,0	8,0	9,0			8,5	7,8	8,2	Học tốt, chăm, ngoan.	
7	Nguyễn Minh Dương	7,0	3,0	4,0			5,5	6,3	5,5	Học đạt, cần cố gắng hơn.	
8	Nguyễn Tấn Đạt	1,0	4,0	4,0			5,0	5,5	4,4	Chưa đạt, cần có ý thức học tập tốt hơn.	
9	Phạm Tiến Đạt	5,0	3,0	7,0			6,3	7,0	6,1	Học đạt, cần có ý thức học tập tốt hơn.	
10	Võ Tấn Đô	8,0	4,0	5,0			4,8	7,0	6,0	Học đạt, cần cố gắng hơn.	
11	Võ Thị Hồng Gấm	8,0	8,0	7,0			6,5	7,0	7,1	Học khá, chăm ngoan.	
12	Nguyễn Thị Ngọc Hân	7,0	3,0	6,0			5,3	6,5	5,8	Học đạt, cần có ý thức học tập tốt hơn.	
13	Huỳnh Thanh Hoàng	6,0	3,0	7,0			8,3	8,5	7,3	Học khá, có cố gắng.	
14	Võ Minh Hùng	8,0	8,0	7,0			5,5	8,3	7,4	Học khá, chăm ngoan.	
15	Nguyễn Thị Tuyết Hương	8,0	6,0	8,0			7,5	7,3	7,4	Học khá, chăm ngoan.	
16	Nguyễn Đăng Khôi	8,0	10,0	7,0			6,0	8,8	7,9	Học khá, chăm ngoan.	
17	Huỳnh Minh Khôi	1,0	6,0	5,0			7,0	6,3	5,6	Học đạt, cần có ý thức học tập tốt hơn.	
18	Ngô Linh Lan	5,0	3,0	4,0			7,3	5,8	5,5	Học đạt, cần cố gắng hơn.	
19	Nguyễn Võ Hoàng Long	8,0	7,0	5,0			6,0	6,8	6,6	Học khá, có cố gắng.	
20	Nguyễn Hữu Thành Long	6,0	3,0	5,0			4,5	5,0	4,8	Chưa đạt, cần có ý thức học tập tốt hơn.	
21	Lâm Gia Lợi	5,0	8,0	8,0			8,3	7,3	7,4	Học khá, chăm ngoan.	
22	Lâm Thị Thanh Mai	7,0	6,0	7,0			5,8	5,8	6,1	Học khá, có cố gắng.	
23	Lê Hạo Nam	1,0	3,0	5,0			4,8	5,3	4,3	Chưa đạt, cần có ý thức học tập tốt hơn.	
24	Trần Thị Tuyết Ngân	8,0	5,0	7,0			7,5	7,5	7,2	Học khá, chăm ngoan.	
25	Nguyễn Võ Phương Nhi	8,0	7,0	7,0			6,5	6,3	6,7	Học khá, có cố gắng.	
26	Phan Thị Hồng Nhung	8,0	8,0	7,0			5,0	6,5	6,6	Học khá, có cố gắng.	
27	Nguyễn Quỳnh Như	9,0	7,0	9,0			6,5	6,8	7,3	Học khá, chăm ngoan.	
28	Tô Nguyễn Yến Như	9,0	8,0	8,0			6,8	7,8	7,8	Học khá, chăm ngoan.	
29	Châu Thị Mỹ Nương	8,0	7,0	5,0			8,0	8,0	7,5	Học khá, chăm ngoan.	
30	Phạm Hải Oanh										
31	Phạm Nhựt Phát	8,0	6,0	8,0			7,3	6,3	6,9	Học khá, chăm ngoan.	
32	Lê Hoàng Gia Phúc	5,0	6,0	6,0			8,0	7,0	6,8	Học khá, chăm ngoan.	
33	Nguyễn Thiện Phúc	8,0	6,0	6,0			7,5	7,5	7,2	Học khá, chăm ngoan.	
34	Nguyễn Hoàng Quân	7,0	5,0	5,0			7,3	7,0	6,6	Học khá, chăm ngoan.	
35	Phạm Mỹ Sương	10,0	8,0	9,0			9,0	9,3	9,1	Xuất sắc,chăm ngoan, tích cực.	
36	Trần Văn Tâm	6,0	2,0	6,0			5,0	5,5	5,1	Học đạt, cần cố gắng hơn.	
37	Trần Tuấn Thành	7,0	6,0	4,0			5,0	6,3	5,7	Học đạt, cần cố gắng hơn.	
38	Trần Thị Cẩm Thu	8,0	6,0	5,0			6,8	5,8	6,3	Học khá, có cố gắng.	
39	Phạm Phương Thuý	5,0	3,0	4,0			4,8	7,0	5,3	Học đạt, cần cố gắng hơn.	
40	Đào Hồng Anh Thư	8,0	10,0	7,0			7,0	8,5	8,1	Học tốt, chăm, ngoan.	
41	Nguyễn Đăng Ánh Tuyết	8,0	7,0	8,0			5,5	6,3	6,6	Học khá, chăm ngoan.	
42	Lê Trần Oanh Vy	8,0	7,0	5,0			6,5	6,8	6,7	Học khá, chăm ngoan.	
43	Hồ Ngọc Phương Vy	7,0	3,0	5,0			7,0	7,0	6,3	Học đạt, cần có ý thức học tập tốt hơn.	
44	Nguyễn Ngọc Như Ý	8,0	5,0	7,0			5,3	7,0	6,5	Học khá, có cố gắng.	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Bé Hà

Hóa học HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)												
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú		
1	Nguyễn Hoài An	8,0	6,0	5,0			5,3	4,0	5,2	Học được, cần cố gắng hơn.		
2	Nguyễn Ngọc Vân Anh	8,0	7,0	7,0			6,5	7,5	7,2	Học khá, cần cố gắng.		
3	Lê Hoài Ân	8,0	7,0	9,0			6,0	8,3	7,6	Học khá, cần cố gắng.		
4	Lữ Gia Bảo	8,0	10,0	9,0			7,0	8,8	8,4	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
5	Nguyễn Thiên Bảo	8,0	5,0	9,0			4,5	8,5	7,1	Học khá, cần cố gắng.		
6	Nguyễn Giang Minh Châu	8,0	10,0	9,0			8,0	9,3	8,9	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
7	Nguyễn Minh Dương	8,0	4,0	5,0			3,5	4,5	4,7	Học yếu, cần cố gắng hơn.		
8	Nguyễn Tấn Đạt	8,0	4,0	8,0			4,5	6,3	6,0	Học được, cần cố gắng hơn.		
9	Phạm Tiến Đạt	5,0	5,0	9,0			4,0	7,3	6,1	Học được, cần cố gắng hơn.		
10	Võ Tấn Đô	5,0	6,0	8,0			5,0	6,8	6,2	Học được, cần cố gắng hơn.		
11	Võ Thị Hồng Gấm	8,0	7,0	8,0			6,0	6,0	6,6	Học khá, cần cố gắng.		
12	Nguyễn Thị Ngọc Hân	6,0	6,0	8,0			5,0	6,0	6,0	Học được, cần cố gắng hơn.		
13	Huỳnh Thanh Hoàng	6,0	8,0	7,0			8,0	8,0	7,6	Học khá, cần cố gắng.		
14	Võ Minh Hùng	8,0	6,0	8,0			5,0	8,3	7,1	Học khá, cần cố gắng.		
15	Nguyễn Thị Tuyết Hương	9,0	5,0	10,0			4,0	8,3	7,1	Học khá, cần cố gắng hơn		
16	Nguyễn Đăng Khối	8,0	10,0	8,0			9,0	8,5	8,7	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
17	Huỳnh Minh Khối	5,0	10,0	9,0			6,0	6,8	7,1	Học khá, cần cố gắng hơn		
18	Ngô Linh Lan	7,0	5,0	9,0			3,5	8,3	6,6	Học khá, cần cố gắng.		
19	Nguyễn Võ Hoàng Long	5,0	6,0	9,0			5,8	8,5	7,1	Học khá, cần cố gắng.		
20	Nguyễn Hữu Thành Long	7,0	6,0	5,0			4,5	3,0	4,5	Học yếu, cần cố gắng hơn.		
21	Lâm Gia Lợi	5,0	8,0	9,0			6,5	8,0	7,4	Học khá, cần cố gắng.		
22	Lâm Thị Thanh Mai	9,0	4,0	9,0			5,0	7,5	6,8	Học khá, cần cố gắng.		
23	Lê Hạo Nam	7,0	7,0	8,0			4,5	5,8	6,1	Học được, cần cố gắng hơn.		
24	Trần Thị Tuyết Ngân	8,0	4,0	9,0			5,0	9,0	7,3	Học khá, cần cố gắng.		
25	Nguyễn Võ Phương Nhi	8,0	7,0	9,0			6,3	8,5	7,8	Học khá, cần cố gắng.		
26	Phan Thị Hồng Nhung	8,0	7,0	7,0			5,5	5,3	6,1	Học được, cần cố gắng hơn.		
27	Nguyễn Quỳnh Như	9,0	4,0	9,0			4,5	8,5	7,1	Học khá, cần cố gắng hơn		
28	Tô Nguyễn Yến Như	9,0	10,0	9,0			9,0	9,0	9,1	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
29	Châu Thị Mỹ Nương	8,0	8,0	9,0			7,5	8,5	8,2	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
30	Phạm Hải Oanh											
31	Phạm Nhựt Phát	7,0	8,0	9,0			6,8	8,8	8,0	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
32	Lê Hoàng Gia Phúc	5,0	8,0	8,0			6,5	6,5	6,7	Học khá, cần cố gắng.		
33	Nguyễn Thiện Phúc	9,0	10,0	10,0			9,3	9,5	9,5	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
34	Nguyễn Hoàng Quân	7,0	6,0	9,0			6,5	8,8	7,7	Học khá, cần cố gắng.		
35	Phạm Mỹ Sương	9,0	10,0	10,0			9,8	9,5	9,6	Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.		
36	Trần Văn Tâm	7,0	7,0	8,0			4,5	6,5	6,3	Học được, cần cố gắng hơn.		
37	Trần Tuấn Thành	8,0	7,0	8,0			5,5	7,0	6,9	Học khá, cần cố gắng.		
38	Trần Thị Cẩm Thu	8,0	7,0	9,0			7,5	7,8	7,8	Học khá, cần cố gắng.		
39	Phạm Phương Thuý	9,0	6,0	7,0			4,3	7,0	6,5	Học khá, cần cố gắng.		
40	Đào Hồng Anh Thư	8,0	9,0	10,0			7,8	9,3	8,8	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
41	Nguyễn Đăng Ánh Tuyết	8,0	9,0	8,0			8,0	7,5	7,9	Học khá, cần cố gắng.		
42	Lê Trần Oanh Vy	8,0	7,0	9,0			8,0	8,8	8,3	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		
43	Hồ Ngọc Phương Vy	8,0	5,0	9,0			4,0	8,0	6,8	Học khá, cần cố gắng.		
44	Nguyễn Ngọc Như Ý	9,0	7,0	10,0			7,8	8,3	8,3	Tích cực trong học tập, tham gia xây dựng bài tốt		

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hữu Tân

Sinh học HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Nguyễn Hoài An	8,0	7,0	6,0			5,5	6,8	6,6	có cố gắng trong học tập	
2	Nguyễn Ngọc Vân Anh	9,0	9,0	7,0			6,0	6,5	7,1	học khá, có cố gắng trong học tập	
3	Lê Hoài Ân	10,0	10,0	7,0			5,8	6,5	7,3	học khá, có cố gắng trong học tập	
4	Lữ Gia Bảo	8,0	10,0	6,0			4,0	8,5	7,2	học khá, có cố gắng trong học tập	
5	Nguyễn Thiên Bảo	10,0	9,0	7,0			6,5	7,8	7,8	học khá, có cố gắng trong học tập	
6	Nguyễn Giang Minh Châu	10,0	10,0	8,0			5,8	7,0	7,6	học khá, có cố gắng trong học tập	
7	Nguyễn Minh Dương	6,0	10,0	6,0			7,8	6,8	7,3	học khá, có cố gắng trong học tập	
8	Nguyễn Tấn Đạt	6,0	5,0	6,0			6,0	5,3	5,6	có cố gắng trong học tập	
9	Phạm Tiến Đạt	8,0	9,0	7,0			4,7	5,8	6,4	có cố gắng trong học tập	
10	Võ Tấn Đô	9,0	8,0	7,0			7,5	6,5	7,3	học khá, có cố gắng trong học tập	
11	Võ Thị Hồng Gấm	9,0	10,0	6,0			5,5	5,8	6,7	có cố gắng trong học tập	
12	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	10,0	7,0			6,8	7,0	7,5	học khá, có cố gắng trong học tập	
13	Huỳnh Thanh Hoàng	8,0	10,0	6,0			7,0	8,0	7,8	học khá, có cố gắng trong học tập	
14	Võ Minh Hùng	6,0	9,0	7,0			7,0	7,8	7,4	học khá, có cố gắng trong học tập	
15	Nguyễn Thị Tuyết Hương	8,0	10,0	8,0			7,0	8,0	8,0	học tốt, ngoan	
16	Nguyễn Đăng Khôi	8,0	5,0	6,0			7,0	8,3	7,2	học khá, có cố gắng trong học tập	
17	Huỳnh Minh Khôi	5,0	7,0	6,0			6,0	7,8	6,7	có cố gắng trong học tập	
18	Ngô Linh Lan	7,0	5,0	6,0			7,5	5,8	6,3	có cố gắng trong học tập	
19	Nguyễn Võ Hoàng Long	5,0	6,0	6,0			5,3	7,3	6,2	có cố gắng trong học tập	
20	Nguyễn Hữu Thành Long	7,0	5,0	6,0			6,0	6,8	6,3	có cố gắng trong học tập	
21	Lâm Gia Lợi	9,0	10,0	10,0			7,5	8,3	8,6	học giỏi, chăm ngoan	
22	Lâm Thị Thanh Mai	8,0	6,0	7,0			6,3	6,8	6,8	có cố gắng trong học tập	
23	Lê Hạo Nam	5,0	5,0	6,0			6,3	6,8	6,1	có cố gắng trong học tập	
24	Trần Thị Tuyết Ngân	8,0	10,0	7,0			7,0	9,0	8,3	học tốt, ngoan	
25	Nguyễn Võ Phương Nhi	10,0	10,0	7,0			7,5	8,0	8,3	học tốt, ngoan	
26	Phan Thị Hồng Nhung	9,0	10,0	6,0			5,5	6,8	7,1	học khá, có cố gắng trong học tập	
27	Nguyễn Quỳnh Như	9,0	8,0	10,0			5,0	7,3	7,4	học khá, có cố gắng trong học tập	
28	Tô Nguyễn Yến Như	9,0	7,0	6,0			5,5	6,8	6,7	có cố gắng trong học tập	
29	Châu Thị Mỹ Nương	9,0	10,0	7,0			4,8	6,8	7,0	học khá, có cố gắng trong học tập	
30	Phạm Hải Oanh										
31	Phạm Nhựt Phát	9,0	10,0	6,0			4,8	7,0	7,0	học khá, có cố gắng trong học tập	
32	Lê Hoàng Gia Phúc	9,0	10,0	7,0			7,3	8,0	8,1	học tốt, ngoan	
33	Nguyễn Thiện Phúc	9,0	10,0	6,0			5,5	6,8	7,1	học khá, có cố gắng trong học tập	
34	Nguyễn Hoàng Quân	10,0	10,0	8,0			7,5	8,0	8,4	học tốt, ngoan	
35	Phạm Mỹ Sương	10,0	10,0	9,0			7,3	8,8	8,8	học giỏi, chăm ngoan	
36	Trần Văn Tâm	7,0	6,0	6,0			7,0	6,5	6,6	có cố gắng trong học tập	
37	Trần Tuấn Thành	7,0	6,0	6,0			5,8	7,0	6,5	có cố gắng trong học tập	
38	Trần Thị Cẩm Thu	8,0	10,0	8,0			7,0	6,3	7,4	học khá, có cố gắng trong học tập	
39	Phạm Phương Thuý	7,0	7,0	6,0			6,3	6,3	6,4	có cố gắng trong học tập	
40	Đào Hồng Anh Thư	9,0	10,0	6,0			4,8	5,8	6,5	có cố gắng trong học tập	
41	Nguyễn Đặng Ánh Tuyết	9,0	10,0	6,0			6,5	6,5	7,2	học khá, có cố gắng trong học tập	
42	Lê Trần Oanh Vy	8,0	10,0	8,0			6,5	8,0	7,9	học khá, có cố gắng trong học tập	
43	Hồ Ngọc Phương Vy	8,0	10,0	7,0			6,8	2,0	5,6	có cố gắng trong học tập	
44	Nguyễn Ngọc Như Ý	8,0	10,0	8,0			6,5	8,5	8,1	học tốt, ngoan	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thùy Linh, Phạm Thị Thu

HỌC KỲ I											
Ngữ văn											
(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Nguyễn Hoài An	8,0	7,0	6,0	7,0		4,0	4,5	5,5	Cần tập trung vào công việc học tập	
2	Nguyễn Ngọc Vân Anh	9,0	10,0	10,0	10,0		6,5	8,0	8,4	Tinh thần học tập tốt, năng động	
3	Lê Hoài Ân	8,0	7,0	9,0	8,0		5,0	5,0	6,3	Cần khắc phục, rèn luyện hơn trong học tập	
4	Lữ Gia Bảo	7,0	8,0	7,0	7,0		4,5	3,0	5,2	Cố lên, sẽ có nhiều cơ hội	
5	Nguyễn Thiên Bảo	8,0	6,0	7,0	7,0		7,0	5,5	6,5	Được, cần tập trung hơn	
6	Nguyễn Giang Minh Châu	8,0	7,0	9,0	8,0		6,5	4,0	6,3	Cần phải cố gắng nhiều hơn	
7	Nguyễn Minh Dương	8,0	7,0	9,0	8,0		4,0	5,5	6,3	Cố cố gắng, cần có phương pháp học tập tốt hơn	
8	Nguyễn Tấn Đạt	7,0	7,0	7,0	7,0		3,5	4,0	5,2	Tạm tạm, phải cố gắng thật nhiều	
9	Phạm Tiến Đạt	8,0	9,0	9,0	9,0		7,5	6,5	7,7	Cần cố gắng hơn sẽ đạt kết quả cao	
10	Võ Tấn Đô	7,0	7,0	7,0	7,0		5,0	4,5	5,7	Phải nỗ lực nhiều hơn	
11	Võ Thị Hồng Gấm	8,0	9,0	7,0	8,0		5,0	3,0	5,7	Phải nỗ lực nhiều hơn	
12	Nguyễn Thị Ngọc Hân	7,0	7,0	8,0	7,0		7,0	4,5	6,3	Cần khắc phục, rèn luyện hơn trong học tập	
13	Huỳnh Thanh Hoàng	8,0	7,0	9,0	8,0		5,5	5,5	6,6	Học khá, cần rèn luyện về chuyên cần	
14	Võ Minh Hùng	6,0	7,0	8,0	7,0		5,0	6,0	6,2	Cố cố gắng, cần có phương pháp học tập tốt hơn	
15	Nguyễn Thị Tuyết Hương	10,0	10,0	10,0	10,0		10,0	8,0	9,3	Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu	
16	Nguyễn Đăng Khôi	6,0	7,0	7,0	7,0		6,5	7,0	6,8	Khá, cần rèn luyện phương pháp học tập	
17	Huỳnh Minh Khôi	7,0	5,0	7,0	6,0		5,5	5,0	5,7	Tạm được	
18	Ngô Linh Lan	8,0	7,0	9,0	8,0		5,0	3,0	5,7	Phải nỗ lực nhiều hơn	
19	Nguyễn Võ Hoàng Long	3,0	2,0	7,0	4,0		5,0	5,0	4,6	Cần sắp xếp công việc để tập trung vào việc học	
20	Nguyễn Hữu Thành Long	6,0	1,0	7,0	5,0		3,0	4,5	4,3	Cố lên, sẽ có nhiều cơ hội	
21	Lâm Gia Lợi	8,0	8,0	9,0	8,0		7,0	6,0	7,2	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập	
22	Lâm Thị Thanh Mai	7,0	9,0	9,0	8,0		8,5	5,0	7,2	Cố cố gắng, cần tập trung sẽ hiểu quả hơn	
23	Lê Hạo Nam	7,0	3,0	8,0	6,0		4,0	4,5	5,1	Tạm tạm, phải cố gắng thật nhiều	
24	Trần Thị Tuyết Ngân	8,0	10,0	9,0	9,0		10,0	7,5	8,7	Chăm chỉ, năng động và sáng tạo	
25	Nguyễn Võ Phương Nhi	8,0	7,0	7,0	7,0		4,5	5,5	6,1	Cần phải cố gắng nhiều hơn	
26	Phan Thị Hồng Nhung	7,0	9,0	7,0	8,0		5,0	6,0	6,6	Khá, cần rèn luyện phương pháp học tập	
27	Nguyễn Quỳnh Như	7,0	10,0	8,0	8,0		6,0	5,0	6,7	Học khá, cần rèn luyện về chuyên cần	
28	Tô Nguyễn Yến Như	8,0	10,0	8,0	9,0		5,5	5,0	6,8	Được, cần tập trung hơn	
29	Châu Thị Mỹ Nương	8,0	9,0	7,0	8,0		6,0	5,5	6,7	Khá, cần rèn luyện phương pháp học tập	
30	Phạm Hải Oanh										
31	Phạm Nhựt Phát	8,0	7,0	10,0	8,0		7,0	4,5	6,7	Được, cần tập trung hơn	
32	Lê Hoàng Gia Phúc	7,0	7,0	7,0	7,0		6,5	5,0	6,2	Cần khắc phục, rèn luyện hơn trong học tập	
33	Nguyễn Thiện Phúc	8,0	7,0	8,0	8,0		4,5	4,0	5,8	Cần tập trung vào công việc học tập	
34	Nguyễn Hoàng Quân	7,0	6,0	7,0	7,0		6,0	5,5	6,2	Cố cố gắng, cần có phương pháp học tập tốt hơn	
35	Phạm Mỹ Sương	8,0	10,0	10,0	9,0		7,0	6,0	7,7	Học khá, có sáng tạo và năng động	
36	Trần Văn Tâm	7,0	3,0	8,0	6,0		2,5	5,0	4,9	Tạm tạm, phải cố gắng thật nhiều	
37	Trần Tuấn Thành	6,0	2,0	8,0	5,0		4,0	5,0	4,9	Cần sắp xếp công việc để tập trung vào việc học	
38	Trần Thị Cẩm Thu	8,0	8,0	8,0	8,0		5,5	5,5	6,6	Khá, cần rèn luyện phương pháp học tập	
39	Phạm Phương Thuý	7,0	8,0	7,0	7,0		5,5	3,5	5,6	Tạm được	
40	Đào Hồng Anh Thư	8,0	9,0	9,0	9,0		5,5	3,5	6,3	Cần khắc phục, rèn luyện hơn trong học tập	
41	Nguyễn Đặng Ánh Tuyết	8,0	9,0	8,0	8,0		7,0	6,5	7,4	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập	
42	Lê Trần Oanh Vy	9,0	9,0	9,0	9,0		9,5	7,5	8,6	Rất cố gắng, đáng khen	
43	Hồ Ngọc Phương Vy	8,0	8,0	8,0	8,0		8,0	5,0	7,0	Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập	
44	Nguyễn Ngọc Như Ý	8,0	10,0	10,0	9,0		8,0	8,0	8,6	Chăm chỉ, năng động và sáng tạo	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Xuân Trường

HỌC KỲ I Lịch sử (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐDGtx					ĐDGgk	ĐDGck	ĐTB mhh	Ghi Chú	
1	Nguyễn Hoài An	8,0	5,0	8,0			3,8	8,8	6,9	Cần cố gắng	
2	Nguyễn Ngọc Vân Anh	8,0	5,0	7,0			7,8	9,0	7,8	Học khá	
3	Lê Hoài Ân	9,0	8,0	5,0			5,3	9,5	7,6	Học khá	
4	Lữ Gia Bảo	9,0	9,0	5,0			7,5	9,8	8,4	Học tốt chăm ngoan	
5	Nguyễn Thiên Bảo	8,0	8,0	4,0			5,8	9,5	7,5	Học khá	
6	Nguyễn Giang Minh Châu	8,0	7,0	4,0			8,8	9,5	8,1	Học tốt chăm ngoan	
7	Nguyễn Minh Dương	8,0	8,0	7,0			4,0	7,8	6,8	Cần cố gắng	
8	Nguyễn Tấn Đạt	1,0	7,0	2,0			4,5	7,8	5,3	Cần cố gắng	
9	Phạm Tiến Đạt	7,0	5,0	8,0			4,5	9,3	7,1	Học khá	
10	Võ Tấn Đô	8,0	8,0	7,0			5,5	9,0	7,6	Học khá	
11	Võ Thị Hồng Gấm	9,0	8,0	7,0			7,8	8,8	8,3	Học tốt chăm ngoan	
12	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	8,0	5,0			6,3	10,0	8,0	Học tốt chăm ngoan	
13	Huỳnh Thanh Hoàng	7,0	7,0	6,0			5,3	9,8	7,5	Học khá	
14	Võ Minh Hùng	8,0	8,0	6,0			8,3	9,8	8,5	Học tốt chăm ngoan	
15	Nguyễn Thị Tuyết Hương	9,0	9,0	9,0			7,5	9,3	8,7	Học tốt chăm ngoan	
16	Nguyễn Đăng Khôi	9,0	8,0	5,0			7,5	10,0	8,4	Học tốt chăm ngoan	
17	Huỳnh Minh Khôi	1,0	3,0	6,0			4,5	7,8	5,3	Cần cố gắng	
18	Ngô Linh Lan	8,0	8,0	6,0			7,8	8,0	7,7	Học khá	
19	Nguyễn Võ Hoàng Long	9,0	8,0	5,0			5,0	9,3	7,5	Học khá	
20	Nguyễn Hữu Thành Long	1,0	5,0	2,0			5,5	9,8	6,1	Cần cố gắng	
21	Lâm Gia Lợi	5,0	8,0	8,0			9,0	7,3	7,6	Học khá	
22	Lâm Thị Thanh Mai	8,0	8,0	5,0			6,3	9,3	7,7	Học khá	
23	Lê Hạo Nam	1,0	5,0	4,0			4,5	9,0	5,8	Cần cố gắng	
24	Trần Thị Tuyết Ngân	9,0	8,0	6,0			7,3	9,8	8,4	Học tốt chăm ngoan	
25	Nguyễn Võ Phương Nhi	9,0	8,0	5,0			6,0	9,5	7,8	Học khá	
26	Phan Thị Hồng Nhung	8,0	8,0	5,0			6,5	9,8	7,9	Cần cố gắng ở HK 2	
27	Nguyễn Quỳnh Như	9,0	10,0	9,0			8,3	9,5	9,1	Học tốt chăm ngoan	
28	Tô Nguyễn Yến Như	9,0	8,0	6,0			7,5	9,8	8,4	Học tốt chăm ngoan	
29	Châu Thị Mỹ Nương	9,0	9,0	7,0			7,3	10,0	8,7	Học tốt chăm ngoan	
30	Phạm Hải Oanh										
31	Phạm Nhựt Phát	8,0	8,0	7,0			7,8	10,0	8,6	Học tốt chăm ngoan	
32	Lê Hoàng Gia Phúc	6,0	8,0	7,0			8,3	8,8	8,0	Học tốt chăm ngoan	
33	Nguyễn Thiện Phúc	9,0	9,0	5,0			8,8	9,8	8,8	Học tốt chăm ngoan	
34	Nguyễn Hoàng Quân	7,0	6,0	4,0			9,3	9,5	8,0	Học tốt chăm ngoan	
35	Phạm Mỹ Sương	9,0	9,0	8,0			8,8	10,0	9,2	Học tốt chăm ngoan	
36	Trần Văn Tâm	1,0	6,0	3,0			4,5	7,5	5,2	Cần cố gắng	
37	Trần Tuấn Thành	9,0	6,0	2,0			6,8	8,8	7,1	Học khá	
38	Trần Thị Cẩm Thu	9,0	8,0	5,0			6,8	9,0	7,8	Học khá	
39	Phạm Phương Thuý	8,0	9,0	1,0			9,5	8,5	7,8	Học khá	
40	Đào Hồng Anh Thư	9,0	8,0	5,0			8,5	9,5	8,4	Học tốt chăm ngoan	
41	Nguyễn Đặng Ánh Tuyết	9,0	9,0	7,0			9,0	10,0	9,1	Học tốt chăm ngoan	
42	Lê Trần Oanh Vy	9,0	9,0	7,0			8,8	9,0	8,7	Học tốt chăm ngoan	
43	Hồ Ngọc Phương Vy	8,0	9,0	4,0			5,8	9,8	7,8	Học khá	
44	Nguyễn Ngọc Như Ý	9,0	8,0	8,0			8,5	9,5	8,8	Học tốt chăm ngoan	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Ngọc Diệu

Ngoại ngữ 1

HỌC KỲ I

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Nguyễn Hoài An	10,0	9,5	7,5	9,0		4,8	6,0	7,1	Học khá, chăm,ngoan
2	Nguyễn Ngọc Vân Anh	7,0	5,0	10,0	3,5		5,3	5,2	5,7	Học được, cần cố gắng thêm
3	Lê Hoài Ân	10,0	10,0	10,0	7,0		5,3	5,8	7,2	Học khá, chăm, ngoan
4	Lữ Gia Bảo	8,0	10,0	10,0	2,0		2,4	4,8	5,5	Học được, cần cố gắng thêm
5	Nguyễn Thiên Bảo	10,0	9,0	8,5	10,0		4,5	6,0	7,2	Học khá, chăm, ngoan
6	Nguyễn Giang Minh Châu	8,5	8,0	9,0	10,0		7,5	7,5	8,1	Giỏi, chăm, ngoan
7	Nguyễn Minh Dương	10,0	9,5	10,0	6,0		4,5	6,0	6,9	Học khá, chăm
8	Nguyễn Tấn Đạt	10,0	7,5	5,0	5,5		2,6	5,4	5,5	Học được, cần cố gắng thêm
9	Phạm Tiến Đạt	10,0	9,5	10,0	7,5		5,5	5,0	7,0	Học khá, chăm, ngoan
10	Võ Tấn Đô	7,0	8,5	10,0	7,0		3,0	4,0	5,6	Học được, cần cố gắng thêm
11	Võ Thị Hồng Gấm	8,0	5,0	7,5	2,0		3,2	5,8	5,1	Học được, cần cố gắng thêm
12	Nguyễn Thị Ngọc Hân	9,0	10,0	9,0	6,0		4,0	4,6	6,2	Học được, chăm
13	Huỳnh Thanh Hoàng	8,5	9,5	8,0	8,5		7,0	6,0	7,4	Học khá, chăm, ngoan
14	Võ Minh Hùng	8,0	8,0	10,0	7,5		4,0	5,0	6,3	Học được, chăm
15	Nguyễn Thị Tuyết Hương	10,0	10,0	10,0	8,0		8,8	6,8	8,4	Giỏi, chăm, ngoan
16	Nguyễn Đăng Khối	8,0	10,0	10,0	7,5		7,2	5,5	7,4	Học khá, chăm, ngoan
17	Huỳnh Minh Khối	9,0	7,0	10,0	7,0		5,3	6,0	6,8	Học khá, chăm
18	Ngô Linh Lan	10,0	7,0	10,0	9,0		5,5	7,0	7,6	Học khá, chăm, ngoan
19	Nguyễn Võ Hoàng Long	6,0	4,5	10,0	3,0		4,6	6,0	5,6	Học được, cần cố gắng thêm
20	Nguyễn Hữu Thành Long	10,0	2,0	4,0	5,0		3,8	4,0	4,5	Cần cố gắng hơn
21	Lâm Gia Lợi	9,0	9,5	10,0	9,0		6,3	6,0	7,6	Học khá, chăm, ngoan
22	Lâm Thị Thanh Mai	10,0	9,0	10,0	2,0		5,8	5,4	6,5	Học khá, chăm
23	Lê Hạo Nam	10,0	6,0	5,0	5,0		6,2	5,2	6,0	Học được, chăm
24	Trần Thị Tuyết Ngân	6,0	8,5	10,0	2,5		6,5	5,2	6,2	Học được, chăm
25	Nguyễn Võ Phương Nhi	10,0	8,0	10,0	4,0		7,2	5,8	7,1	Học khá, chăm, ngoan
26	Phan Thị Hồng Nhung	6,0	10,0	10,0	6,0		3,5	5,2	6,1	Học được, chăm
27	Nguyễn Quỳnh Như	9,0	9,0	10,0	4,5		5,2	5,8	6,7	Học khá, chăm
28	Tô Nguyễn Yến Như	9,0	8,0	7,5	4,5		5,5	6,0	6,4	Học được, chăm
29	Châu Thị Mỹ Nương	9,0	8,0	7,5	2,0		4,6	5,4	5,8	Học được, cần cố gắng thêm
30	Phạm Hải Oanh									
31	Phạm Nhựt Phát	8,0	6,5	10,0	6,0		7,5	5,2	6,8	Học khá, chăm
32	Lê Hoàng Gia Phúc	7,0	7,0	9,5	10,0		8,3	6,2	7,6	Học khá, chăm, ngoan
33	Nguyễn Thiện Phúc	8,0	8,5	10,0	6,5		5,3	6,6	7,0	Học khá, chăm, ngoan
34	Nguyễn Hoàng Quân	10,0	10,0	10,0	10,0		7,2	7,6	8,6	Giỏi, chăm, ngoan
35	Phạm Mỹ Sương	10,0	10,0	10,0	10,0		8,5	8,4	9,1	Giỏi, chăm, ngoan, cần phát huy
36	Trần Văn Tâm	7,0	7,5	5,0	4,0		3,3	4,4	4,8	Cần cố gắng hơn
37	Trần Tuấn Thành	9,0	10,0	10,0	3,5		3,6	5,8	6,3	Học được, chăm
38	Trần Thị Cẩm Thu	10,0	8,5	10,0	2,0		5,0	4,4	6,0	Học được, chăm
39	Phạm Phương Thuý	10,0	10,0	10,0	7,0		7,0	5,8	7,6	Học khá, chăm, ngoan
40	Đào Hồng Anh Thư	9,0	9,5	10,0	5,0		4,8	5,6	6,7	Học khá, chăm
41	Nguyễn Đặng Ánh Tuyết	8,0	8,5	7,5	4,5		6,5	5,6	6,5	Học khá, chăm
42	Lê Trần Oanh Vy	10,0	9,5	10,0	6,5		4,6	5,2	6,8	Học khá, chăm
43	Hồ Ngọc Phương Vy	10,0	9,0	10,0	2,0		5,2	4,8	6,2	Học được, chăm
44	Nguyễn Ngọc Như Ý	10,0	9,5	10,0	4,0		6,0	5,2	6,8	Học khá, chăm

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Thanh Giang

Giáo Dục Quốc Phòng

STT	Họ và tên	ĐDGtx					ĐDGgk	ĐDGck	ĐTB mhk	Ghi Chú
1	Nguyễn Hoài An	5,0	7,0				9,5	6,8	7,3	Học khá.
2	Nguyễn Ngọc Vân Anh	9,0	9,0				7,5	5,5	7,1	Học khá.
3	Lê Hoài Ân	9,0	8,0				8,5	8,5	8,5	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
4	Lữ Gia Bảo	9,0	9,0				9,5	8,3	8,8	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
5	Nguyễn Thiên Bảo	7,0	8,0				9,0	7,8	8,1	Chăm ngoan, học khá.
6	Nguyễn Giang Minh Châu	7,0	8,0				8,8	8,8	8,4	Học tốt.
7	Nguyễn Minh Dương	9,0	9,0				8,5	6,8	7,9	Chăm ngoan, học khá.
8	Nguyễn Tấn Đạt	5,0	7,0				7,5	7,0	6,9	Học khá.
9	Phạm Tiến Đạt	5,0	7,0				9,0	9,0	8,1	Học tốt.
10	Võ Tấn Đô	8,0	8,0				8,5	6,0	7,3	Học khá.
11	Võ Thị Hồng Gấm	8,0	8,0				8,5	6,8	7,6	Học khá.
12	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	8,0				8,0	8,0	8,0	Học tốt.
13	Huỳnh Thanh Hoàng	7,0	8,0				9,3	9,3	8,8	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
14	Võ Minh Hùng	9,0	9,0				9,0	8,8	8,9	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
15	Nguyễn Thị Tuyết Hương	8,0	9,0				9,5	9,0	9,0	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
16	Nguyễn Đăng Khôi	8,0	8,0				9,3	9,3	8,9	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
17	Huỳnh Minh Khôi	9,0	9,0				9,8	8,0	8,8	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
18	Ngô Linh Lan	5,0	7,0				9,0	9,0	8,1	Học tốt.
19	Nguyễn Võ Hoàng Long	8,0	8,0				6,5	6,8	7,1	Học khá.
20	Nguyễn Hữu Thành Long	5,0	7,0				9,0	8,0	7,7	Chăm ngoan, học khá.
21	Lâm Gia Lợi	5,0	7,0				9,3	8,5	8,0	Học tốt.
22	Lâm Thị Thanh Mai	8,0	8,0				8,5	9,0	8,6	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
23	Lê Hạo Nam	7,0	8,0				7,3	10,0	8,5	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
24	Trần Thị Tuyết Ngân	9,0	9,0				9,0	8,0	8,6	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
25	Nguyễn Võ Phương Nhi	9,0	9,0				9,3	7,5	8,4	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
26	Phan Thị Hồng Nhung	8,0	8,0				7,3	6,8	7,3	Học khá.
27	Nguyễn Quỳnh Như	9,0	9,0				9,0	7,8	8,5	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
28	Tô Nguyễn Yến Như	9,0	9,0				8,3	6,5	7,7	Chăm ngoan, học khá.
29	Châu Thị Mỹ Nương	9,0	9,0				8,0	7,3	8,0	Học tốt.
30	Phạm Hải Oanh									
31	Phạm Nhựt Phát	7,0	8,0				9,3	7,0	7,8	Chăm ngoan, học khá.
32	Lê Hoàng Gia Phúc	7,0	8,0				8,5	6,8	7,5	Học khá.
33	Nguyễn Thiện Phúc	8,0	9,0				9,8	8,8	9,0	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
34	Nguyễn Hoàng Quân	7,0	8,0				9,0	8,8	8,5	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
35	Phạm Mỹ Sương	9,0	9,0				9,8	8,8	9,1	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
36	Trần Văn Tâm	9,0	9,0				9,8	8,5	9,0	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
37	Trần Tuấn Thành	8,0	8,0				8,5	4,5	6,6	Cần cố gắng hơn ở hk2.
38	Trần Thị Cẩm Thu	9,0	8,0				8,3	8,3	8,4	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
39	Phạm Phương Thuý	5,0	7,0				9,0	8,0	7,7	Học khá.
40	Đào Hồng Anh Thư	9,0	9,0				8,8	8,0	8,5	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
41	Nguyễn Đặng Ánh Tuyết	8,0	8,0				8,8	8,8	8,6	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
42	Lê Trần Oanh Vy	9,0	9,0				9,5	7,3	8,4	Học tốt, cần phát huy trong học tập.
43	Hồ Ngọc Phương Vy	7,0	8,0				8,3	6,8	7,4	Học khá.
44	Nguyễn Ngọc Như Ý	9,0	8,0				8,5	8,0	8,3	Học tốt.

(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 25/48

Công nghệ cơ khí HỌC KỲ I (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTB mhk	Ghi Chú	
1	Nguyễn Hoài An	8,0	9,0	8,0			9,0	7,5	8,2	chăm ngoan, có cố gắng	
2	Nguyễn Ngọc Vân Anh	9,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,6	chăm ngoan, có cố gắng	
3	Lê Hoài Ân	9,0	8,0	9,0			8,0	7,5	8,1	chăm ngoan, có cố gắng	
4	Lữ Gia Bảo	10,0	9,0	9,0			9,0	7,5	8,6	Học khá, cần phát huy	
5	Nguyễn Thiên Bảo	8,0	8,0	8,0			9,0	7,5	8,1	chăm ngoan, có cố gắng	
6	Nguyễn Giang Minh Châu	7,0	9,0	7,0			9,0	8,0	8,1	Học khá, cần phát huy	
7	Nguyễn Minh Dương	9,0	9,0	8,0			9,0	7,5	8,3	Học khá, cần phát huy	
8	Nguyễn Tấn Đạt	7,0	8,0	8,0			8,0	7,0	7,5	chăm ngoan, có cố gắng	
9	Phạm Tiến Đạt	7,0	9,0	7,0			9,0	7,0	7,8	chăm ngoan, có cố gắng	
10	Võ Tấn Đô	8,0	9,0	8,0			9,0	7,0	8,0	chăm ngoan, có cố gắng	
11	Võ Thị Hồng Gấm	8,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,5	Học khá, cần phát huy	
12	Nguyễn Thị Ngọc Hân	7,0	9,0	8,0			8,0	8,0	8,0	Học khá, cần phát huy	
13	Huỳnh Thanh Hoàng	8,0	8,0	8,0			9,0	7,5	8,1	Học khá, cần phát huy	
14	Võ Minh Hùng	9,0	9,0	8,0			9,0	7,5	8,3	Học khá, cần phát huy	
15	Nguyễn Thị Tuyết Hương	8,0	9,0	9,0			8,0	8,0	8,3	Học khá, cần phát huy	
16	Nguyễn Đăng Khôi	9,0	9,0	9,0			9,0	7,5	8,4	chăm ngoan, có cố gắng	
17	Huỳnh Minh Khôi	7,0	8,0	9,0			9,0	7,5	8,1	chăm ngoan, có cố gắng	
18	Ngô Linh Lan	8,0	9,0	8,0			9,0	7,5	8,2	chăm ngoan, có cố gắng	
19	Nguyễn Võ Hoàng Long	8,0	9,0	7,0			9,0	7,5	8,1	chăm ngoan, có cố gắng	
20	Nguyễn Hữu Thành Long	8,0	8,0	8,0			9,0	7,5	8,1	chăm ngoan, có cố gắng	
21	Lâm Gia Lợi	8,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,5	chăm ngoan, có cố gắng	
22	Lâm Thị Thanh Mai	8,0	9,0	9,0			8,0	7,5	8,1	chăm ngoan, có cố gắng	
23	Lê Hạo Nam	7,0	9,0	8,0			9,0	7,5	8,1	chăm ngoan, có cố gắng	
24	Trần Thị Tuyết Ngân	8,0	8,0	8,0			8,0	8,0	8,0	chăm ngoan, có cố gắng	
25	Nguyễn Võ Phương Nhi	9,0	9,0	7,0			9,0	8,0	8,4	Học khá, cần phát huy	
26	Phan Thị Hồng Nhung	8,0	9,0	8,0			9,0	8,0	8,4	Học khá, cần phát huy	
27	Nguyễn Quỳnh Như	10,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,8	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2	
28	Tô Nguyễn Yến Như	10,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,8	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2	
29	Châu Thị Mỹ Nương	10,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,8	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2	
30	Phạm Hải Oanh										
31	Phạm Nhựt Phát	10,0	9,0	9,0			9,0	7,5	8,6	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2	
32	Lê Hoàng Gia Phúc	8,0	9,0	9,0			8,0	7,5	8,1	chăm ngoan, có cố gắng	
33	Nguyễn Thiện Phúc	8,0	9,0	9,0			9,0	7,5	8,3	Học khá, cần phát huy	
34	Nguyễn Hoàng Quân	9,0	9,0	9,0			8,0	7,5	8,2	chăm ngoan, có cố gắng	
35	Phạm Mỹ Sương	9,0	9,0	10,0			10,0	8,0	9,0	Học khá, cần phát huy	
36	Trần Văn Tâm	9,0	8,0	9,0			8,0	7,5	8,1	chăm ngoan, có cố gắng	
37	Trần Tuấn Thành	9,0	9,0	8,0			9,0	7,5	8,3	chăm ngoan, có cố gắng	
38	Trần Thị Cẩm Thu	8,0	9,0	9,0			8,0	7,5	8,1	chăm ngoan, có cố gắng	
39	Phạm Phương Thuý	10,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,8	Học khá, cố gắng phát huy ở hk2	
40	Đào Hồng Anh Thư	8,0	8,0	9,0			8,0	8,0	8,1	chăm ngoan, có cố gắng	
41	Nguyễn Đặng Ánh Tuyết	5,0	9,0	9,0			9,0	7,5	7,9	Học khá, cần phát huy	
42	Lê Trần Oanh Vy	8,0	8,0	9,0			8,0	8,0	8,1	chăm ngoan, có cố gắng	
43	Hồ Ngọc Phương Vy	9,0	9,0	8,0			9,0	7,5	8,3	Học khá, cần phát huy	
44	Nguyễn Ngọc Như Ý	8,0	9,0	7,0			9,0	8,0	8,3	Học khá, cần phát huy	

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trường An

Giáo dục thể chất											
HỌC KỲ I											
(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)											
STT	Họ và tên	Mức đánh giá								Ghi Chú	
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)					Thường Xuyên	Giữa kỳ	Cuối kỳ		Học kỳ
1	Nguyễn Hoài An	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
2	Nguyễn Ngọc Vân Anh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
3	Lê Hoài Ân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
4	Lữ Gia Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
5	Nguyễn Thiên Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
6	Nguyễn Giang Minh Châu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
7	Nguyễn Minh Dương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
8	Nguyễn Tấn Đạt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
9	Phạm Tiến Đạt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
10	Võ Tấn Đô	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
11	Võ Thị Hồng Gấm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
12	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
13	Huỳnh Thanh Hoàng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
14	Võ Minh Hùng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
15	Nguyễn Thị Tuyết Hương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
16	Nguyễn Đăng Khôi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
17	Huỳnh Minh Khôi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
18	Ngô Linh Lan	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
19	Nguyễn Võ Hoàng Long	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
20	Nguyễn Hữu Thành Long	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
21	Lâm Gia Lợi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
22	Lâm Thị Thanh Mai	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
23	Lê Hạo Nam	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
24	Trần Thị Tuyết Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
25	Nguyễn Võ Phương Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
26	Phan Thị Hồng Nhung	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
27	Nguyễn Quỳnh Như	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
28	Tô Nguyễn Yến Như	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
29	Châu Thị Mỹ Nương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
30	Phạm Hải Oanh										
31	Phạm Nhựt Phát	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
32	Lê Hoàng Gia Phúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
33	Nguyễn Thiện Phúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
34	Nguyễn Hoàng Quân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
35	Phạm Mỹ Sương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
36	Trần Văn Tâm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
37	Trần Tuấn Thành	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
38	Trần Thị Cẩm Thu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
39	Phạm Phương Thuý	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
40	Đào Hồng Anh Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
41	Nguyễn Đặng Ánh Tuyết	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
42	Lê Trần Oanh Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
43	Hồ Ngọc Phương Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt
44	Nguyễn Ngọc Như Ý	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	học tập tốt

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Hồng Hải

Giáo dục địa phương (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)										
STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)							Ghi Chú	
		Thường Xuyên				Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ		
1	Nguyễn Hoài An	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
2	Nguyễn Ngọc Văn Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
3	Lê Hoài Ân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
4	Lữ Gia Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
5	Nguyễn Thiên Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
6	Nguyễn Giang Minh Châu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
7	Nguyễn Minh Dương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
8	Nguyễn Tấn Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
9	Phạm Tiến Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
10	Võ Tấn Đô	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
11	Võ Thị Hồng Gấm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
12	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
13	Huỳnh Thanh Hoàng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
14	Võ Minh Hùng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
15	Nguyễn Thị Tuyết Hương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
16	Nguyễn Đăng Khối	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
17	Huỳnh Minh Khối	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
18	Ngô Linh Lan	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
19	Nguyễn Võ Hoàng Long	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
20	Nguyễn Hữu Thành Long	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
21	Lâm Gia Lợi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
22	Lâm Thị Thanh Mai	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
23	Lê Hạo Nam	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
24	Trần Thị Tuyết Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
25	Nguyễn Võ Phương Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
26	Phan Thị Hồng Nhung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
27	Nguyễn Quỳnh Như	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
28	Tô Nguyễn Yến Như	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
29	Châu Thị Mỹ Nương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
30	Phạm Hải Oanh									
31	Phạm Nhựt Phát	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
32	Lê Hoàng Gia Phúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
33	Nguyễn Thiện Phúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
34	Nguyễn Hoàng Quân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
35	Phạm Mỹ Sương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
36	Trần Văn Tâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
37	Trần Tuấn Thành	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
38	Trần Thị Cẩm Thu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
39	Phạm Phương Thuý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
40	Đào Hồng Anh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
41	Nguyễn Đăng Ánh Tuyết	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
42	Lê Trần Oanh Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
43	Hồ Ngọc Phương Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.
44	Nguyễn Ngọc Như Ý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Chăm chỉ, có ý thức học tập tốt. Hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thùy Ngân, Nguyễn Văn Hiện, Đinh Thị Hồng Lan

HDTrN-HN

HỌC KỲ I

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

STT	Họ và tên	Mức đánh giá Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)								Ghi Chú
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	
1	Nguyễn Hoài An	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.
2	Nguyễn Ngọc Văn Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ, có tinh thần hợp tác.
3	Lê Hoài Ân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.
4	Lữ Gia Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.
5	Nguyễn Thiên Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.
6	Nguyễn Giang Minh Châu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.
7	Nguyễn Minh Dương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.
8	Nguyễn Tấn Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoàn thành các nhiệm vụ.
9	Phạm Tiến Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoàn thành các nhiệm vụ.
10	Võ Tấn Đô	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.
11	Võ Thị Hồng Gấm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.
12	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.
13	Huỳnh Thanh Hoàng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.
14	Võ Minh Hùng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.
15	Nguyễn Thị Tuyết Hương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.
16	Nguyễn Đăng Khôi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.
17	Huỳnh Minh Khôi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ, có tinh thần trách nhiệm.
18	Ngô Linh Lan	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoàn thành các nhiệm vụ.
19	Nguyễn Võ Hoàng Long	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.
20	Nguyễn Hữu Thành Long	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoàn thành các nhiệm vụ.
21	Lâm Gia Lợi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ, có tinh thần trách nhiệm.
22	Lâm Thị Thanh Mai	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.
23	Lê Hạo Nam	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoàn thành các nhiệm vụ.
24	Trần Thị Tuyết Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.
25	Nguyễn Võ Phương Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ, có tinh thần trách nhiệm.
26	Phan Thị Hồng Nhung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.
27	Nguyễn Quỳnh Như	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ, có tinh thần trách nhiệm.
28	Tô Nguyễn Yến Như	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.
29	Châu Thị Mỹ Nương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.
30	Phạm Hải Oanh									
31	Phạm Nhựt Phát	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.
32	Lê Hoàng Gia Phúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.
33	Nguyễn Thiện Phúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.
34	Nguyễn Hoàng Quân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ, có tinh thần hợp tác.
35	Phạm Mỹ Sương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ, có tinh thần hợp tác.
36	Trần Văn Tâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.
37	Trần Tuấn Thành	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.
38	Trần Thị Cẩm Thu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.
39	Phạm Phương Thuý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Hoàn thành các nhiệm vụ.
40	Đào Hồng Anh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.
41	Nguyễn Đặng Ánh Tuyết	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.
42	Lê Trần Oanh Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ, có tinh thần trách nhiệm.
43	Hồ Ngọc Phương Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.
44	Nguyễn Ngọc Như Ý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Tích cực, hoàn thành các nhiệm vụ.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Anh Đào

TỔNG HỢP HỌC KỲ I

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phong	Công nghệ cơ khí		
1	Nguyễn Hoài An	Đ	Đ	Đ	5,7	5,8	5,2	6,6	5,5	6,9	7,1	7,3	8,2	Đ	T
2	Nguyễn Ngọc Vân Anh	Đ	Đ	Đ	8,7	6,6	7,2	7,1	8,4	7,8	5,7	7,1	8,6	K	T
3	Lê Hoài Ân	Đ	Đ	Đ	6,5	5,9	7,6	7,3	6,3	7,6	7,2	8,5	8,1	K	T
4	Lữ Gia Bảo	Đ	Đ	Đ	6,8	6,6	8,4	7,2	5,2	8,4	5,5	8,8	8,6	K	T
5	Nguyễn Thiên Bảo	Đ	Đ	Đ	6,2	6,6	7,1	7,8	6,5	7,5	7,2	8,1	8,1	K	T
6	Nguyễn Giang Minh Châu	Đ	Đ	Đ	9,1	8,2	8,9	7,6	6,3	8,1	8,1	8,4	8,1	K	T
7	Nguyễn Minh Dương	Đ	Đ	Đ	5,9	5,5	4,7	7,3	6,3	6,8	6,9	7,9	8,3	Đ	T
8	Nguyễn Tấn Đạt	Đ	Đ	Đ	5,9	4,4	6,0	5,6	5,2	5,3	5,5	6,9	7,5	Đ	K
9	Phạm Tiến Đạt	Đ	Đ	Đ	6,2	6,1	6,1	6,4	7,7	7,1	7,0	8,1	7,8	Đ	K
10	Vô Tấn Đô	Đ	Đ	Đ	6,3	6,0	6,2	7,3	5,7	7,6	5,6	7,3	8,0	Đ	T
11	Vô Thị Hồng Gấm	Đ	Đ	Đ	7,8	7,1	6,6	6,7	5,7	8,3	5,1	7,6	8,5	K	T
12	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ	Đ	5,3	5,8	6,0	7,5	6,3	8,0	6,2	8,0	8,0	Đ	T
13	Huỳnh Thanh Hoàng	Đ	Đ	Đ	6,6	7,3	7,6	7,8	6,6	7,5	7,4	8,8	8,1	K	T
14	Vô Minh Hùng	Đ	Đ	Đ	7,1	7,4	7,1	7,4	6,2	8,5	6,3	8,9	8,3	K	T
15	Nguyễn Thị Tuyết Hương	Đ	Đ	Đ	7,3	7,4	7,1	8,0	9,3	8,7	8,4	9,0	8,3	T	T
16	Nguyễn Đăng Khôi	Đ	Đ	Đ	8,1	7,9	8,7	7,2	6,8	8,4	7,4	8,9	8,4	K	T
17	Huỳnh Minh Khôi	Đ	Đ	Đ	5,0	5,6	7,1	6,7	5,7	5,3	6,8	8,8	8,1	Đ	K
18	Ngô Linh Lan	Đ	Đ	Đ	6,4	5,5	6,6	6,3	5,7	7,7	7,6	8,1	8,2	Đ	K
19	Nguyễn Vô Hoàng Long	Đ	Đ	Đ	6,1	6,6	7,1	6,2	4,6	7,5	5,6	7,1	8,1	Đ	T
20	Nguyễn Hữu Thành Long	Đ	Đ	Đ	5,8	4,8	4,5	6,3	4,3	6,1	4,5	7,7	8,1	CĐ	K
21	Lâm Gia Lợi	Đ	Đ	Đ	8,3	7,4	7,4	8,6	7,2	7,6	7,6	8,0	8,5	K	T
22	Lâm Thị Thanh Mai	Đ	Đ	Đ	7,5	6,1	6,8	6,8	7,2	7,7	6,5	8,6	8,1	K	T
23	Lê Hạo Nam	Đ	Đ	Đ	5,0	4,3	6,1	6,1	5,1	5,8	6,0	8,5	8,1	Đ	K
24	Trần Thị Tuyết Ngân	Đ	Đ	Đ	7,1	7,2	7,3	8,3	8,7	8,4	6,2	8,6	8,0	K	T
25	Nguyễn Vô Phương Nhi	Đ	Đ	Đ	7,0	6,7	7,8	8,3	6,1	7,8	7,1	8,4	8,4	K	T
26	Phan Thị Hồng Nhung	Đ	Đ	Đ	7,2	6,6	6,1	7,1	6,6	7,9	6,1	7,3	8,4	K	T
27	Nguyễn Quỳnh Như	Đ	Đ	Đ	8,4	7,3	7,1	7,4	6,7	9,1	6,7	8,5	8,8	K	T
28	Tô Nguyễn Yến Như	Đ	Đ	Đ	9,6	7,8	9,1	6,7	6,8	8,4	6,4	7,7	8,8	K	T
29	Châu Thị Mỹ Nương	Đ	Đ	Đ	7,3	7,5	8,2	7,0	6,7	8,7	5,8	8,0	8,8	K	T
30	Phạm Hải Oanh														
31	Phạm Nhựt Phát	Đ	Đ	Đ	6,6	6,9	8,0	7,0	6,7	8,6	6,8	7,8	8,6	K	T
32	Lê Hoàng Gia Phúc	Đ	Đ	Đ	6,3	6,8	6,7	8,1	6,2	8,0	7,6	7,5	8,1	K	T
33	Nguyễn Thiện Phúc	Đ	Đ	Đ	8,4	7,2	9,5	7,1	5,8	8,8	7,0	9,0	8,3	K	T
34	Nguyễn Hoàng Quân	Đ	Đ	Đ	8,6	6,6	7,7	8,4	6,2	8,0	8,6	8,5	8,2	K	T
35	Phạm Mỹ Sương	Đ	Đ	Đ	9,4	9,1	9,6	8,8	7,7	9,2	9,1	9,1	9,0	T	T
36	Trần Văn Tâm	Đ	Đ	Đ	3,8	5,1	6,3	6,6	4,9	5,2	4,8	9,0	8,1	Đ	K
37	Trần Tuấn Thành	Đ	Đ	Đ	5,8	5,7	6,9	6,5	4,9	7,1	6,3	6,6	8,3	Đ	T
38	Trần Thị Cẩm Thu	Đ	Đ	Đ	7,5	6,3	7,8	7,4	6,6	7,8	6,0	8,4	8,1	K	T
39	Phạm Phương Thuý	Đ	Đ	Đ	6,6	5,3	6,5	6,4	5,6	7,8	7,6	7,7	8,8	K	K
40	Đào Hồng Anh Thư	Đ	Đ	Đ	8,1	8,1	8,8	6,5	6,3	8,4	6,7	8,5	8,1	K	T
41	Nguyễn Đặng Ánh Tuyết	Đ	Đ	Đ	8,6	6,6	7,9	7,2	7,4	9,1	6,5	8,6	7,9	K	T
42	Lê Trần Oanh Vy	Đ	Đ	Đ	7,4	6,7	8,3	7,9	8,6	8,7	6,8	8,4	8,1	K	T
43	Hồ Ngọc Phương Vy	Đ	Đ	Đ	6,1	6,3	6,8	5,6	7,0	7,8	6,2	7,4	8,3	Đ	K
44	Nguyễn Ngọc Như Ý	Đ	Đ	Đ	7,0	6,5	8,3	8,1	8,6	8,8	6,8	8,3	8,3	T	T

Giáo viên chủ nhiệm
Ký và ghi rõ họ tên

Phạm Thị Thanh Giang

PHẦN GHI ĐIỂM

HỌC KỲ II

HỌC KỲ II

Toán (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Hoài An	7,0	8,0	6,0	7,0	8,0	3,5	5,5	6,0	5.9			Có cố gắng.
2	Nguyễn Ngọc Văn Anh	10,0	10,0	9,0	10,0	10,0	8,5	6,5	8,6	8.6			Chăm, ngoan, học giỏi.
3	Lê Hoài Ân	8,0	9,0	8,0	7,0	5,0	7,5	8,3	7,7	7.3			Học khá, có tiến bộ.
4	Lữ Gia Bảo	7,0	7,0	8,0	8,0	8,0	5,8	5,5	6,6	6.7			Ngoan, có cố gắng.
5	Nguyễn Thiên Bảo	7,0	7,0	8,0	6,0	9,0	6,3	4,0	6,2	6.2			Có cố gắng.
6	Nguyễn Giang Minh Châu	9,0	9,0	9,0	8,0	9,0	8,5	9,3	8,9	9.0			Chăm, ngoan, tích cực học.
7	Nguyễn Minh Dương	7,0	7,0	5,0	6,0	7,0	4,3	6,5	6,0	6.0			Có cố gắng.
8	Nguyễn Tấn Đạt	6,0	8,0	4,0	0,0	5,0	3,0	5,8	4,6	5.0			Cần cố gắng nhiều.
9	Phạm Tiến Đạt	9,0	8,0	7,0	5,0	9,0	5,5	7,3	7,1	6.8			Có tiến bộ.
10	Võ Tấn Đồ	4,0	5,0	7,0	7,0	8,0	6,8	4,5	5,8	6.0			Ngoan, có cố gắng.
11	Võ Thị Hồng Gấm	9,0	10,0	9,0	9,0	10,0	7,0	6,5	8,1	8.0			Chăm, ngoan, có cố gắng nhiều.
12	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,0	5,0	7,0	6,0	8,0	5,5	6,8	6,5	6.1			Có tiến bộ.
13	Huỳnh Thanh Hoàng	8,0	9,0	9,0	9,0	6,0	7,5	8,0	8,0	7.5			Ngoan, có cố gắng.
14	Võ Minh Hùng	8,0	5,0	6,0	5,0	6,0	5,5	5,0	5,6	6.1			Học được, cần cố gắng thêm .
15	Nguyễn Thị Tuyết Hương	10,0	9,0	9,0	10,0	10,0	7,5	6,5	8,3	8.0			Học giỏi, chăm ngoan.
16	Nguyễn Đăng Khởi	10,0	10,0	9,0	10,0	10,0	9,0	9,0	9,4	9.0			Chăm ngoan, học tốt.
17	Huỳnh Minh Khởi	9,0	8,0	9,0	8,0	8,0	5,5	7,8	7,6	6.7			Học khá, có tiến bộ.
18	Ngô Linh Lan	7,0	9,0	8,0	7,0	7,0	5,8	7,3	7,2	6.9			Ngoan, có cố gắng .
19	Nguyễn Võ Hoàng Long	6,0	9,0	7,0	8,0	5,0	7,3	6,0	6,8	6.6			Ngoan, có cố gắng.
20	Nguyễn Hữu Thành Long	4,0	8,0	0,0	7,0	4,0	3,3	5,3	4,6	5.0			Cần cố gắng nhiều.
21	Lâm Gia Lợi	8,0	8,0	6,0	6,0	8,0	7,8	6,8	7,2	7.6			Học khá, chăm.
22	Lâm Thị Thanh Mai	9,0	10,0	10,0	10,0	10,0	6,5	7,3	8,4	8.1			Học giỏi, chăm ngoan.
23	Lê Hạo Nam	5,0	8,0	0,0	5,0	7,0	4,0	5,8	5,0	5.0			Cần cố gắng nhiều.
24	Trần Thị Tuyết Ngân	10,0	9,0	9,0	10,0	8,0	6,5	6,3	7,8	7.6			Chăm ngoan, học khá.
25	Nguyễn Võ Phương Nhi	10,0	9,0	9,0	10,0	10,0	7,8	7,0	8,5	8.0			Học giỏi, chăm ngoan.
26	Phan Thị Hồng Nhung	8,0	9,0	9,0	10,0	10,0	5,3	5,5	7,3	7.3			Chăm ngoan, học khá.
27	Nguyễn Quỳnh Như	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	7,0	7,0	8,5	8.5			Chăm, ngoan, học giỏi.
28	Tô Nguyễn Yến Như	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	9,0	10,0	9,8	9.7			Chăm ngoan, học tốt.
29	Châu Thị Mỹ Nương	8,0	8,0	8,0	6,0	8,0	8,0	5,5	7,1	7.2			Chăm ngoan, học khá.
30	Phạm-Hai-Oanh												
31	Phạm Nhựt Phát	8,0	9,0	8,0	8,0	9,0	8,0	6,5	7,8	7.4			Chăm ngoan, học khá.
32	Lê Hoàng Gia Phúc	8,0	8,0	8,0	6,0	10,0	6,0	7,8	7,5	7.1			Chăm ngoan, học khá.
33	Nguyễn Thiện Phúc	9,0	9,0	6,0	7,0	10,0	9,0	7,3	8,1	8.2			Chăm ngoan, học giỏi.
34	Nguyễn Hoàng Quân	9,0	9,0	9,0	9,0	9,0	7,0	7,3	8,1	8.3			Chăm ngoan, học giỏi.
35	Phạm Mỹ Sương	10,0	10,0	10,0	10,0	10,0	8,5	7,5	9,0	9.1			Chăm ngoan, học tốt.
36	Trần Văn Tâm	6,0	7,0	0,0	5,0	9,0	5,0	4,0	4,9	4.5			Cần cố gắng nhiều.
37	Trần Tuấn Thành	7,0	8,0	8,0	5,0	9,0	6,0	5,5	6,6	6.3			Ngoan, có cố gắng.
38	Trần Thị Cẩm Thu	9,0	8,0	9,0	10,0	10,0	6,5	7,0	8,0	7.8			Học giỏi, chăm ngoan.
39	Phạm Phương Thủy	8,0	6,0	9,0	9,0	8,0	7,3	6,3	7,4	7.1			Chăm ngoan, học khá.
40	Đào Hồng Anh Thư	9,0	8,0	9,0	10,0	10,0	6,5	6,5	7,9	8.0			Chăm ngoan, học khá.
41	Nguyễn Đặng Ánh Tuyết	10,0	10,0	9,0	10,0	10,0	9,0	8,5	9,3	9.1			Chăm ngoan, học tốt.
42	Lê Trần Oanh Vy	9,0	8,0	9,0	9,0	9,0	6,0	5,5	7,3	7.3			Chăm ngoan, học khá.
43	Hồ Ngọc Phương Vy	8,0	5,0	7,0	6,0	8,0	6,0	5,8	6,3	6.2			Ngoan, có cố gắng.
44	Nguyễn Ngọc Như Ý	10,0	9,0	9,0	9,0	10,0	6,0	6,0	7,7	7.5			Chăm ngoan, học khá.

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Xuân

HỌC KỲ II Vật lý (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Hoài An	8,0	6,0	7,0			5,5	7,5	6,8	6.5			Học khá, có cố gắng.
2	Nguyễn Ngọc Văn Anh	7,0	8,0	7,0			5,3	6,5	6,5	6.5			Học khá, chăm ngoan.
3	Lê Hoài Ân	9,0	6,0	8,0			5,8	9,3	7,8	7.2			Học khá, chăm ngoan.
4	Lữ Gia Bảo	9,0	6,0	6,0			5,5	6,5	6,4	6.5			Học đạt, có cố gắng.
5	Nguyễn Thiên Bảo	7,0	5,0	8,0			6,8	8,8	7,5	7.2			Học khá, chăm ngoan.
6	Nguyễn Giang Minh Châu	9,0	10,0	10,0			8,5	8,8	9,1	8.8			Học tốt, chăm ngoan.
7	Nguyễn Minh Dương	8,0	5,0	8,0			5,8	8,5	7,3	6.7			Học khá, chăm ngoan.
8	Nguyễn Tấn Đạt	7,0	4,0	7,0			4,3	6,0	5,6	5.2			Học đạt, cần cố gắng hơn.
9	Phạm Tiến Đạt	6,0	7,0	8,0			6,5	7,3	7,0	6.7			Học khá, cần cố gắng hơn.
10	Võ Tấn Đồ	8,0	6,0	6,0			5,8	7,3	6,7	6.5			Học khá, chăm ngoan.
11	Võ Thị Hồng Gấm	9,0	8,0	8,0			6,0	6,0	6,9	7.0			Học khá, chăm ngoan.
12	Nguyễn Thị Ngọc Hân	7,0	5,0	9,0			7,0	7,3	7,1	6.7			Học khá, chăm ngoan.
13	Huỳnh Thanh Hoàng	8,0	7,0	8,0			6,0	9,3	7,9	7.7			Học khá, có cố gắng.
14	Võ Minh Hùng	8,0	7,0	6,0			4,5	7,8	6,7	6.9			Học khá, có cố gắng.
15	Nguyễn Thị Tuyết Hương	9,0	7,0	9,0			6,3	7,0	7,3	7.3			Học khá, chăm ngoan.
16	Nguyễn Đăng Khôi	10,0	10,0	8,0			8,0	8,0	8,5	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
17	Huỳnh Minh Khôi	8,0	4,0	7,0			4,5	7,0	6,1	5.9			Học đạt, có cố gắng.
18	Ngô Linh Lan	9,0	5,0	7,0			5,0	8,3	7,0	6.5			Học khá, có cố gắng.
19	Nguyễn Võ Hoàng Long	7,0	7,0	6,0			4,8	6,0	6,0	6.2			Học đạt, có cố gắng.
20	Nguyễn Hữu Thành Long	6,0	5,0	7,0			4,5	6,5	5,8	5.5			Học đạt, cần cố gắng hơn.
21	Lâm Gia Lợi	7,0	6,0	8,0			5,5	6,3	6,4	6.7			Học khá, có cố gắng.
22	Lâm Thị Thanh Mai	9,0	8,0	9,0			6,5	8,0	7,9	7.3			Học khá, chăm ngoan.
23	Lê Hạo Nam	6,0	4,0	7,0			5,0	8,3	6,5	5.8			Học khá, cần cố gắng hơn.
24	Trần Thị Tuyết Ngân	8,0	7,0	10,0			9,5	8,5	8,7	8.2			Học tốt, chăm ngoan.
25	Nguyễn Võ Phương Nhi	9,0	9,0	7,0			8,3	6,0	7,5	7.2			Học khá, chăm ngoan.
26	Phan Thị Hồng Nhung	9,0	9,0	7,0			6,5	5,3	6,7	6.7			Học khá, chăm ngoan.
27	Nguyễn Quỳnh Như	10,0	7,0	8,0			7,0	6,5	7,3	7.3			Học khá, chăm ngoan.
28	Tô Nguyễn Yến Như	10,0	10,0	10,0			9,5	6,3	8,5	8.3			Học tốt, chăm ngoan.
29	Châu Thị Mỹ Nương	10,0	8,0	9,0			6,5	6,0	7,3	7.4			Học khá, chăm ngoan.
30	Phạm Hải Oanh												
31	Phạm Nhật Phát	9,0	7,0	8,0			6,3	7,5	7,4	7.2			Học khá, chăm ngoan.
32	Lê Hoàng Gia Phúc	10,0	8,0	7,0			7,3	8,8	8,3	7.8			Học tốt, chăm ngoan.
33	Nguyễn Thiện Phúc	9,0	6,0	7,0			6,3	5,0	6,2	6.5			Học đạt, có cố gắng.
34	Nguyễn Hoàng Quân	8,0	8,0	10,0			6,0	8,0	7,8	7.4			Học khá, chăm ngoan.
35	Phạm Mỹ Sương	10,0	10,0	8,0			8,0	9,3	9,0	9.0			Xuất sắc, chăm ngoan, tích cực.
36	Trần Văn Tâm	7,0	4,0	6,0			4,5	6,5	5,7	5.5			Học đạt, cần cố gắng hơn.
37	Trần Tuấn Thành	9,0	6,0	7,0			4,5	6,3	6,2	6.0			Học đạt, có cố gắng.
38	Trần Thị Cẩm Thu	9,0	8,0	10,0			6,5	7,3	7,7	7.2			Học khá, chăm ngoan.
39	Phạm Phương Thuý	8,0	4,0	8,0			6,0	8,5	7,2	6.6			Học khá, chăm ngoan.
40	Đào Hồng Anh Thư	9,0	10,0	9,0			6,0	6,3	7,4	7.6			Học khá, chăm ngoan.
41	Nguyễn Đặng Ánh Tuyết	9,0	8,0	8,0			6,3	7,5	7,5	7.2			Học khá, chăm ngoan.
42	Lê Trần Oanh Vy	9,0	8,0	10,0			7,0	7,5	7,9	7.5			Học khá, chăm ngoan.
43	Hồ Ngọc Phương Vy	7,0	4,0	8,0			7,0	6,5	6,6	6.5			Học khá, cần cố gắng hơn.
44	Nguyễn Ngọc Như Ý	9,0	7,0	9,0			7,3	7,8	7,9	7.4			Học khá, chăm ngoan.

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Bé Hà

Học kỳ II

Hóa học		(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)											
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Hoài An	5,0	6,0	10,0	8,0		5,0	9,5	7,5	6.7			Học khá, cần cố gắng.
2	Nguyễn Ngọc Văn Anh	7,0	7,0	10,0	8,0		4,5	8,0	7,2	7.2			Học khá, cần cố gắng.
3	Lê Hoài Ân	8,0	9,0	10,0	9,0		9,0	9,5	9,2	8.7			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
4	Lữ Gia Bảo	8,0	10,0	10,0	9,0		8,0	9,0	8,9	8.7			Học giỏi, chăm ngoan
5	Nguyễn Thiên Bảo	8,0	10,0	10,0	9,0		8,0	8,3	8,7	8.2			Học giỏi, chăm ngoan
6	Nguyễn Giang Minh Châu	6,0	10,0	10,0	9,0		9,5	8,3	8,8	8.8			Học giỏi, chăm ngoan
7	Nguyễn Minh Dương	8,0	8,0	9,0	8,0		6,0	7,8	7,6	6.6			Học khá, cần cố gắng.
8	Nguyễn Tấn Đạt	5,0	10,0	6,0	7,0		9,5	3,3	6,3	6.2			Học được, cần cố gắng hơn.
9	Phạm Tiến Đạt	6,0	9,0	9,0	8,0		7,0	7,8	7,7	7.2			Học khá, cần cố gắng.
10	Võ Tấn Đồ	8,0	9,0	9,0	7,0		4,5	6,8	6,9	6.7			Học khá, cần cố gắng hơn
11	Võ Thị Hồng Gấm	8,0	10,0	10,0	9,0		7,0	9,8	8,9	8.1			Học giỏi, chăm ngoan
12	Nguyễn Thị Ngọc Hân	6,0	9,0	10,0	8,0		6,0	7,3	7,4	6.9			Học khá, cần cố gắng.
13	Huỳnh Thanh Hoàng	6,0	8,0	10,0	9,0		7,5	9,8	8,6	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
14	Võ Minh Hùng	7,0	9,0	10,0	8,0		5,5	7,0	7,3	7.2			Học khá, cần cố gắng.
15	Nguyễn Thị Tuyết Hương	8,0	10,0	10,0	9,0		8,5	9,0	9,0	8.4			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
16	Nguyễn Đăng Khôi	9,0	10,0	10,0	9,0		8,5	10,0	9,4	9.2			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
17	Huỳnh Minh Khôi	5,0	8,0	10,0	8,0		6,0	8,5	7,6	7.4			Học khá, cần cố gắng.
18	Ngô Linh Lan	9,0	9,0	8,0	7,0		5,0	6,3	6,9	6.8			Học khá, cần cố gắng hơn
19	Nguyễn Võ Hoàng Long	8,0	10,0	10,0	9,0		7,5	8,5	8,6	8.1			Học giỏi, chăm ngoan
20	Nguyễn Hữu Thành Long	7,0	9,0	9,0	8,0		8,5	7,0	7,9	6.8			Học khá, cần cố gắng.
21	Lâm Gia Lợi	6,0	9,0	9,0	8,0		6,5	7,5	7,5	7.5			Học khá, cần cố gắng.
22	Lâm Thị Thanh Mai	8,0	7,0	10,0	8,0		5,0	9,5	7,9	7.5			Học khá, cần cố gắng.
23	Lê Hạo Nam	5,0	9,0	6,0	7,0		7,0	5,0	6,2	6.2			Học được, cần cố gắng hơn.
24	Trần Thị Tuyết Ngân	9,0	8,0	10,0	9,0		7,5	8,3	8,4	8.0			Học giỏi, chăm ngoan
25	Nguyễn Võ Phương Nhi	9,0	10,0	9,0	9,0		9,0	7,5	8,6	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
26	Phan Thị Hồng Nhung	8,0	9,0	10,0	9,0		7,5	8,0	8,3	7.6			Học giỏi, chăm ngoan
27	Nguyễn Quỳnh Như	9,0	8,0	9,0	9,0		6,5	8,5	8,2	7.8			Học giỏi, chăm ngoan
28	Tô Nguyễn Yến Như	9,0	10,0	10,0	9,0		9,0	10,0	9,6	9.4			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
29	Châu Thị Mỹ Nương	9,0	10,0	10,0	9,0		7,5	9,0	8,9	8.7			Học giỏi, chăm ngoan
30	Phạm Hải Oanh												
31	Phạm Nhật Phát	7,0	10,0	10,0	9,0		8,5	8,5	8,7	8.5			Học giỏi, chăm ngoan
32	Lê Hoàng Gia Phúc	5,0	8,0	8,0	7,0		5,5	8,0	7,0	6.9			Học khá, cần cố gắng.
33	Nguyễn Thiện Phúc	8,0	10,0	10,0	9,0		9,0	8,3	8,9	9.1			Học giỏi, chăm ngoan
34	Nguyễn Hoàng Quân	7,0	10,0	10,0	9,0		8,0	9,0	8,8	8.4			Học giỏi, chăm ngoan
35	Phạm Mỹ Sương	9,0	10,0	10,0	9,0		9,5	9,5	9,5	9.5			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
36	Trần Văn Tâm	8,0	9,0	10,0	8,0		6,0	6,3	7,3	7.0			Học khá, cần cố gắng.
37	Trần Tuấn Thành	7,0	9,0	9,0	8,0		6,0	7,0	7,3	7.2			Học khá, cần cố gắng.
38	Trần Thị Cẩm Thu	9,0	9,0	9,0	9,0		8,0	8,0	8,4	8.2			Học giỏi, chăm ngoan
39	Phạm Phương Thuý	9,0	8,0	8,0	7,0		6,0	6,0	6,9	6.8			Học khá, cần cố gắng.
40	Đào Hồng Anh Thư	9,0	10,0	10,0	9,0		9,0	9,8	9,5	9.3			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
41	Nguyễn Đặng Ánh Tuyết	9,0	10,0	10,0	9,0		9,0	9,5	9,4	8.9			Học giỏi. Chăm chỉ học tập. Có ý thức học tập tốt.
42	Lê Trần Oanh Vy	9,0	8,0	9,0	8,0		6,0	8,0	7,8	8.0			Học khá, cần cố gắng.
43	Hồ Ngọc Phương Vy	7,0	7,0	10,0	7,0		5,5	7,0	7,0	6.9			Học khá, cần cố gắng.
44	Nguyễn Ngọc Như Ý	9,0	10,0	8,0	8,0		8,5	7,3	8,2	8.2			Học giỏi, chăm ngoan

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Hữu Tân

Sinh học HỌC KỲ II (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Hoài An	8,0	9,0	5,0	6,0		7,0	8,8	7,6	7.3			Học Khá
2	Nguyễn Ngọc Văn Anh	8,0	9,5	8,5	10,0		7,5	9,3	8,8	8.2			Học Tốt
3	Lê Hoài Ân	8,0	8,0	8,5	9,0		8,0	9,5	8,7	8.2			Học Tốt
4	Lữ Gia Bảo	7,5	10,0	7,5	9,5		6,5	9,3	8,4	8.0			Học Tốt
5	Nguyễn Thiên Bảo	8,0	8,0	9,0	10,0		8,0	9,5	8,8	8.5			Học Tốt
6	Nguyễn Giang Minh Châu	10,0	9,5	8,0	10,0		8,3	9,0	9,0	8.5			Học Tốt
7	Nguyễn Minh Dương	7,5	9,0	5,0	6,0		8,0	9,5	8,0	7.8			Học Tốt
8	Nguyễn Tấn Đạt	4,5	7,0	8,0	8,0		6,3	8,8	7,4	6.8			Học Khá
9	Phạm Tiến Đạt	7,0	6,5	5,0	6,0		8,3	9,5	7,7	7.3			Học Khá
10	Võ Tấn Đồ	7,0	9,0	7,0	8,0		7,5	9,5	8,3	8.0			Học Tốt
11	Võ Thị Hồng Gấm	8,0	9,0	8,0	10,0		7,3	9,3	8,6	8.0			Học Tốt
12	Nguyễn Thị Ngọc Hân	8,5	8,0	8,0	8,5		7,5	8,5	8,2	8.0			Học Tốt
13	Huỳnh Thanh Hoàng	8,0	9,0	5,0	7,0		8,0	9,5	8,2	8.1			Học Tốt
14	Võ Minh Hùng	7,5	10,0	6,0	7,0		7,8	9,5	8,3	8.0			Học Tốt
15	Nguyễn Thị Tuyết Hương	8,0	8,0	8,0	10,0		6,8	8,5	8,1	8.1			Học Tốt
16	Nguyễn Đăng Khôi	8,0	9,0	8,0	10,0		8,3	8,8	8,7	8.2			Học Tốt
17	Huỳnh Minh Khôi	5,5	6,5	5,0	9,0		6,0	9,0	7,2	7.0			Học Khá
18	Ngô Linh Lan	6,5	8,0	8,0	7,0		7,5	9,3	8,0	7.4			Học Tốt
19	Nguyễn Võ Hoàng Long	7,5	7,0	6,0	7,0		6,8	8,5	7,4	7.0			Học Khá
20	Nguyễn Hữu Thành Long	7,0	7,0	8,0	8,5		5,8	7,8	7,3	7.0			Học Khá
21	Lâm Gia Lợi	7,0	7,0	8,0	9,0		8,0	9,5	8,4	8.5			Học Tốt
22	Lâm Thị Thanh Mai	8,0	8,0	8,5	10,0		7,8	9,0	8,6	8.0			Học Tốt
23	Lê Hạo Nam	6,0	7,0	6,0	8,0		8,3	8,3	7,6	7.1			Học Khá
24	Trần Thị Tuyết Ngân	9,0	8,0	8,0	10,0		7,0	9,0	8,4	8.4			Học Tốt
25	Nguyễn Võ Phương Nhi	10,0	8,5	7,0	10,0		7,8	9,5	8,8	8.6			Học Tốt
26	Phan Thị Hồng Nhung	9,5	9,5	5,5	8,0		6,3	8,3	7,8	7.6			Học Khá
27	Nguyễn Quỳnh Như	8,0	9,5	7,5	10,0		6,8	9,3	8,5	8.1			Học Tốt
28	Tô Nguyễn Yến Như	8,5	9,5	8,0	9,0		8,3	8,5	8,6	8.0			Học Tốt
29	Châu Thị Mỹ Nương	5,5	9,5	7,0	10,0		7,3	8,3	7,9	7.6			Học Khá
30	Phạm Hải Oanh												
31	Phạm Nhựt Phát	8,0	9,5	8,0	10,0		8,8	10,0	9,2	8.5			Học Tốt
32	Lê Hoàng Gia Phúc	8,0	8,5	7,0	9,0		7,8	9,8	8,6	8.4			Học Tốt
33	Nguyễn Thiện Phúc	7,0	10,0	8,0	9,0		7,8	9,3	8,6	8.1			Học Tốt
34	Nguyễn Hoàng Quân	10,0	8,0	8,0	10,0		7,8	8,3	8,5	8.5			Học Tốt
35	Phạm Mỹ Sương	10,0	10,0	8,0	10,0		8,5	9,3	9,2	9.1			Học Tốt
36	Trần Văn Tâm	5,0	5,0	7,0	8,0		7,3	8,5	7,2	7.0			Học Khá
37	Trần Tuấn Thành	7,5	10,0	5,0	8,0		4,8	8,5	7,3	7.0			Học Khá
38	Trần Thị Cẩm Thu	8,0	10,0	7,0	10,0		7,3	8,5	8,3	8.0			Học Tốt
39	Phạm Phương Thuý	7,0	6,0	8,0	6,0		7,3	8,8	7,6	7.2			Học Khá
40	Đào Hồng Anh Thư	4,5	9,5	7,0	10,0		7,8	8,5	8,0	7.5			Học Tốt
41	Nguyễn Đặng Ánh Tuyết	8,0	10,0	8,5	10,0		8,3	9,5	9,1	8.5			Học Tốt
42	Lê Trần Oanh Vy	8,0	8,0	8,0	10,0		7,5	8,0	8,1	8.0			Học Tốt
43	Hồ Ngọc Phương Vy	8,5	8,0	7,5	8,0		7,5	9,0	8,2	7.3			Học Tốt
44	Nguyễn Ngọc Như Ý	8,0	8,0	8,0	10,0		6,8	8,0	8,0	8.0			Học Tốt

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thùy Linh, Phạm Thị Thu, Nguyễn Thị Mai Hồng

HỌC KỲ II Ngữ văn (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐDGTx					ĐDGGk	ĐDGGc	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Hoài An	8,0	7,0	7,0	7,0		5,5	5,5	6,3	6.0			Cần phải cố gắng nhiều hơn
2	Nguyễn Ngọc Văn Anh	10,0	10,0	8,0	9,0		7,5	7,5	8,3	8.3			Học giỏi, chăm ngoan
3	Lê Hoài Ân	9,0	9,0	9,0	9,0		4,0	4,5	6,4	6.4			Cần phải cố gắng nhiều hơn
4	Lữ Gia Bảo	10,0	10,0	8,0	9,0		3,5	3,5	6,1	5.8			Cần khắc phục, rèn luyện hơn trong học tập
5	Nguyễn Thiên Bảo	9,0	9,0	9,0	9,0		5,0	3,0	6,1	6.2			Cần phải cố gắng nhiều hơn
6	Nguyễn Giang Minh Châu	9,0	9,0	9,0	9,0		7,0	6,5	7,7	7.2			Học khá, có sáng tạo và năng động
7	Nguyễn Minh Dương	8,0	7,0	7,0	7,0		6,0	5,5	6,4	6.4			Có cố gắng, cần có phương pháp học tập tốt hơn
8	Nguyễn Tấn Đạt	10,0	10,0	8,0	9,0		4,5	5,0	6,8	6.3			Khá, cần rèn luyện phương pháp học tập
9	Phạm Tiến Đạt	10,0	10,0	8,0	9,0		5,0	5,5	7,1	7.3			Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn
10	Võ Tấn Đồ	9,0	9,0	9,0	9,0		5,0	5,0	6,8	6.4			Học khá, cần rèn luyện về chuyên cần
11	Võ Thị Hồng Gấm	10,0	10,0	8,0	9,0		6,0	5,0	7,1	6.6			Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn
12	Nguyễn Thị Ngọc Hân	10,0	10,0	8,0	9,0		7,0	6,0	7,7	7.2			Có tiến bộ, cần cố gắng hơn
13	Huỳnh Thanh Hoàng	9,0	9,0	9,0	9,0		5,0	6,5	7,3	7.1			Cố gắng hơn nữa sẽ tiến bộ
14	Võ Minh Hùng	5,0	10,0	8,0	8,0		6,0	5,0	6,4	6.3			Cần khắc phục, rèn luyện hơn trong học tập
15	Nguyễn Thị Tuyết Hương	10,0	10,0	10,0	10,0		8,5	9,0	9,3	9.3			Rất ngoan, cố gắng có hiệu quả.
16	Nguyễn Đăng Khởi	9,0	9,0	9,0	9,0		6,0	7,0	7,7	7.4			Có tiến bộ, cần cố gắng hơn
17	Huỳnh Minh Khởi	10,0	10,0	8,0	9,0		5,0	4,5	6,7	6.4			Được, cần tập trung hơn
18	Ngô Linh Lan	8,0	7,0	7,0	7,0		5,5	5,5	6,3	6.1			Có cố gắng, cần có phương pháp học tập tốt hơn
19	Nguyễn Võ Hoàng Long	5,0	9,0	9,0	8,0		4,5	3,5	5,6	5.3			Tạm được
20	Nguyễn Hữu Thành Long	8,0	7,0	7,0	7,0		4,0	5,0	5,8	5.3			Phải nỗ lực nhiều hơn
21	Lâm Gia Lợi	10,0	9,0	9,0	9,0		4,0	5,0	6,7	6.9			Khá, cần rèn luyện phương pháp học tập
22	Lâm Thị Thanh Mai	10,0	10,0	8,0	9,0		7,0	8,0	8,3	7.9			Học giỏi, chăm ngoan
23	Lê Hạo Nam	10,0	10,0	8,0	9,0		2,0	4,0	5,9	5.6			Phải nỗ lực nhiều hơn
24	Trần Thị Tuyết Ngân	10,0	10,0	10,0	9,0		9,0	9,0	9,3	9.1			Rất ngoan, cố gắng có hiệu quả.
25	Nguyễn Võ Phương Nhi	9,0	9,0	9,0	9,0		6,0	7,5	7,8	7.2			Có tiến bộ, cần cố gắng hơn
26	Phan Thị Hồng Nhung	10,0	10,0	8,0	9,0		5,0	5,0	6,9	6.8			Khá, cần rèn luyện phương pháp học tập
27	Nguyễn Quỳnh Như	10,0	10,0	8,0	9,0		6,0	4,5	6,9	6.8			Học khá, cần rèn luyện về chuyên cần
28	Tô Nguyễn Yến Như	10,0	10,0	8,0	9,0		4,5	7,0	7,4	7.2			Cần rèn luyện nhiều hơn trong học tập
29	Châu Thị Mỹ Nương	10,0	10,0	8,0	9,0		5,0	7,5	7,7	7.4			Có tiến bộ, cần cố gắng hơn
30	Phạm Hải Oanh												
31	Phạm Nhựt Phát	9,0	9,0	9,0	9,0		5,0	6,0	7,1	7.0			Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn
32	Lê Hoàng Gia Phúc	9,0	9,0	9,0	9,0		4,0	4,5	6,4	6.3			Cần khắc phục, rèn luyện hơn trong học tập
33	Nguyễn Thiện Phúc	10,0	10,0	8,0	9,0		2,5	4,0	6,0	5.9			Có cố gắng, cần có phương pháp học tập tốt hơn
34	Nguyễn Hoàng Quân	9,0	9,0	9,0	9,0		5,5	4,0	6,6	6.5			Học khá, cần rèn luyện về chuyên cần
35	Phạm Mỹ Sương	9,0	10,0	10,0	10,0		8,0	7,0	8,4	8.2			Tinh thần học tập tốt, năng động
36	Trần Văn Tâm	8,0	7,0	7,0	7,0		5,0	4,5	5,8	5.5			Phải nỗ lực nhiều hơn
37	Trần Tuấn Thành	9,0	9,0	9,0	9,0		4,0	6,0	6,9	6.2			Được, cần tập trung hơn
38	Trần Thị Cẩm Thu	10,0	10,0	8,0	9,0		6,0	7,0	7,8	7.4			Cần cố gắng hơn sẽ đạt kết quả cao
39	Phạm Phương Thuý	8,0	7,0	7,0	7,0		3,5	5,0	5,7	5.7			Tạm được
40	Đào Hồng Anh Thư	10,0	10,0	8,0	9,0		5,0	6,0	7,2	6.9			Cố gắng hơn nữa sẽ tiến bộ
41	Nguyễn Đăng Ánh Tuyết	10,0	10,0	8,0	9,0		5,0	6,0	7,2	7.3			Có cố gắng, cần tập trung sẽ hiệu quả hơn
42	Lê Trần Oanh Vy	10,0	10,0	10,0	10,0		8,5	9,0	9,3	9.1			Ngoan, chăm chỉ, gương mẫu
43	Hồ Ngọc Phương Vy	10,0	10,0	8,0	9,0		6,5	6,5	7,7	7.5			Có tiến bộ, cần cố gắng hơn
44	Nguyễn Ngọc Như Ý	10,0	10,0	8,0	9,0		9,0	8,5	8,9	8.8			Rất cố gắng, đáng khen

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Xuân Trường

HỌC KỲ II Lịch sử (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Hoài An	9,0	8,0	9,0			8,0	5,0	7,1	7.0			Học khá
2	Nguyễn Ngọc Văn Anh	8,0	9,0	10,0			9,0	9,0	9,0	8.6			Học tốt, chăm ngoan
3	Lê Hoài Ân	9,0	9,0	9,0			8,0	9,3	8,9	8.5			Học tốt, chăm ngoan
4	Lữ Gia Bảo	9,0	9,0	9,0			8,0	6,3	7,7	7.9			Học khá
5	Nguyễn Thiên Bảo	9,0	9,0	9,0			8,0	5,5	7,4	7.4			Học khá
6	Nguyễn Giang Minh Châu	9,0	9,0	9,0			8,0	8,5	8,6	8.4			Học tốt, chăm ngoan
7	Nguyễn Minh Dương	9,0	9,0	9,0			8,0	7,3	8,1	7.7			Học tốt, chăm ngoan
8	Nguyễn Tấn Đạt	6,0	1,0	9,0			8,0	4,0	5,5	5.4			Cần cố gắng hơn
9	Phạm Tiến Đạt	8,0	7,0	10,0			10,0	3,8	7,1	7.1			Học khá
10	Võ Tấn Đồ	9,0	8,0	9,0			8,0	7,3	8,0	7.9			Học tốt, chăm ngoan
11	Võ Thị Hồng Gấm	8,0	9,0	9,0			8,0	6,3	7,6	7.8			Học khá
12	Nguyễn Thị Ngọc Hân	9,0	8,0	10,0			9,0	4,3	7,2	7.5			Học khá
13	Huỳnh Thanh Hoàng	9,0	7,0	9,0			8,0	9,5	8,7	8.3			Học tốt, chăm ngoan
14	Võ Minh Hùng	8,0	9,0	9,0			8,0	6,5	7,7	8.0			Học khá
15	Nguyễn Thị Tuyết Hương	10,0	8,0	10,0			9,0	8,3	8,9	8.8			Học tốt, chăm ngoan
16	Nguyễn Đăng Khôi	9,0	9,0	9,0			8,0	9,5	8,9	8.7			Học tốt, chăm ngoan
17	Huỳnh Minh Khôi	7,0	1,0	10,0			10,0	7,0	7,4	6.7			Học khá
18	Ngô Linh Lan	7,0	8,0	10,0			9,0	7,8	8,3	8.1			Học tốt, chăm ngoan
19	Nguyễn Võ Hoàng Long	9,0	8,0	9,0			8,0	7,5	8,1	7.9			Học tốt, chăm ngoan
20	Nguyễn Hữu Thành Long	8,0	8,0	9,0			8,0	6,5	7,6	7.1			Học khá
21	Lâm Gia Lợi	9,0	1,0	9,0			8,0	7,3	7,1	7.3			Học khá
22	Lâm Thị Thanh Mai	6,0	8,0	10,0			8,0	7,8	7,9	7.8			Học khá
23	Lê Hạo Nam	10,0	1,0	9,0			8,0	9,5	8,1	7.3			Học tốt
24	Trần Thị Tuyết Ngân	9,0	8,0	10,0			9,0	9,5	9,2	8.9			Học tốt, chăm ngoan
25	Nguyễn Võ Phương Nhi	8,0	9,0	9,0			8,0	8,8	8,6	8.3			Học tốt, chăm ngoan
26	Phan Thị Hồng Nhung	9,0	9,0	10,0			9,0	7,8	8,7	8.4			Học tốt, chăm ngoan
27	Nguyễn Quỳnh Như	8,0	9,0	10,0			9,0	9,5	9,2	9.2			Học tốt, chăm ngoan
28	Tô Nguyễn Yến Như	9,0	9,0	10,0			9,0	7,8	8,7	8.6			Học tốt, chăm ngoan
29	Châu Thị Mỹ Nương	9,0	9,0	9,0			9,0	9,3	9,1	9.0			Học tốt, chăm ngoan
30	Phạm Hải Oanh												
31	Phạm Nhật Phát	9,0	8,0	9,0			8,0	9,3	8,7	8.7			Học tốt, chăm ngoan
32	Lê Hoàng Gia Phúc	9,0	1,0	9,0			8,0	6,0	6,6	7.1			Cần cố gắng hơn
33	Nguyễn Thiện Phúc	9,0	9,0	10,0			9,0	7,0	8,4	8.5			Học tốt, chăm ngoan
34	Nguyễn Hoàng Quân	8,0	8,0	9,0			8,0	9,5	8,7	8.5			Học tốt, chăm ngoan
35	Phạm Mỹ Sương	10,0	9,0	10,0			10,0	10,0	9,9	9.7			Học tốt, chăm ngoan
36	Trần Văn Tâm	7,0	7,0	10,0			9,0	5,0	7,1	6.5			Học khá
37	Trần Tuấn Thành	8,0	8,0	10,0			9,0	7,5	8,3	7.9			Học tốt, chăm ngoan
38	Trần Thị Cẩm Thu	9,0	9,0	10,0			9,0	7,3	8,5	8.3			Học tốt, chăm ngoan
39	Phạm Phương Thuý	7,0	8,0	10,0			9,0	4,8	7,2	7.4			Học khá
40	Đào Hồng Anh Thư	9,0	9,0	10,0			9,0	8,8	9,1	8.9			Học tốt, chăm ngoan
41	Nguyễn Đặng Ánh Tuyết	8,0	9,0	10,0			9,0	9,3	9,1	9.1			Học tốt, chăm ngoan
42	Lê Trần Oanh Vy	7,0	9,0	10,0			8,0	9,3	8,7	8.7			Học tốt, chăm ngoan
43	Hồ Ngọc Phương Vy	9,0	8,0	10,0			9,0	7,5	8,4	8.2			Học tốt, chăm ngoan
44	Nguyễn Ngọc Như Ý	10,0	8,0	10,0			8,0	8,0	8,5	8.6			Học tốt, chăm ngoan

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Ngọc Diệu

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 38/48

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

trang 39/48

HỌC KỲ II Công nghệ cơ khí (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số)													
STT	Họ và tên	ĐĐGtx					ĐĐGgk	ĐĐGck	ĐTBmhk	ĐTBmcn	Đánh giá lại		Ghi Chú
											ĐTBmhkII	ĐTBmcn	
1	Nguyễn Hoài An	9,0	8,0	9,0			8,0	7,5	8,1	8.1			Học tốt, ngoan, hiền
2	Nguyễn Ngọc Văn Anh	9,0	9,0	9,0			8,5	9,0	8,9	8.8			Học tốt, ngoan, hiền
3	Lê Hoài Ân	9,0	9,0	9,0			8,5	7,5	8,3	8.2			Học tốt, ngoan, hiền
4	Lữ Gia Bảo	9,0	9,0	9,0			7,0	5,0	7,0	7.5			Học khá
5	Nguyễn Thiên Bảo	9,0	8,0	9,0			9,0	8,5	8,7	8.5			Học tốt, ngoan, hiền
6	Nguyễn Giang Minh Châu	9,0	9,0	9,0			8,0	8,5	8,6	8.4			Học tốt, ngoan, hiền
7	Nguyễn Minh Dương	9,0	9,0	9,0			8,0	8,5	8,6	8.5			Học tốt, ngoan, hiền
8	Nguyễn Tấn Đạt	9,0	9,0	9,0			4,5	8,0	7,5	7.5			Học khá
9	Phạm Tiến Đạt	9,0	9,0	9,0			8,5	8,5	8,7	8.4			Học tốt, ngoan, hiền
10	Võ Tấn Đồ	9,0	8,0	9,0			9,0	5,0	7,4	7.6			Học khá
11	Võ Thị Hồng Gấm	9,0	9,0	9,0			7,5	8,5	8,4	8.4			Học tốt, ngoan, hiền
12	Nguyễn Thị Ngọc Hân	9,0	9,0	9,0			9,0	7,5	8,4	8.3			Học tốt, ngoan, hiền
13	Huỳnh Thanh Hoàng	8,0	9,0	9,0			9,0	8,5	8,7	8.5			Học tốt, ngoan, hiền
14	Võ Minh Hùng	9,0	9,0	8,0			7,5	5,0	7,0	7.4			Học khá
15	Nguyễn Thị Tuyết Hương	9,0	8,0	9,0			9,0	9,0	8,9	8.7			Học tốt, ngoan, hiền
16	Nguyễn Đăng Khôi	9,0	9,0	9,0			8,0	8,5	8,6	8.5			Học tốt, ngoan, hiền
17	Huỳnh Minh Khôi	8,0	9,0	9,0			8,0	6,0	7,5	7.7			Học khá
18	Ngô Linh Lan	9,0	9,0	8,0			7,5	8,5	8,3	8.3			Học tốt, ngoan, hiền
19	Nguyễn Võ Hoàng Long	9,0	8,0	9,0			7,0	5,0	6,9	7.3			Học khá
20	Nguyễn Hữu Thành Long	9,0	9,0	9,0			8,0	8,0	8,4	8.3			Học tốt, ngoan, hiền
21	Lâm Gia Lợi	9,0	8,0	8,0			7,5	8,5	8,2	8.3			Học tốt, ngoan, hiền
22	Lâm Thị Thanh Mai	9,0	9,0	9,0			9,0	8,5	8,8	8.6			Học tốt, ngoan, hiền
23	Lê Hạo Nam	8,0	9,0	9,0			8,0	7,0	7,9	8.0			Học khá
24	Trần Thị Tuyết Ngân	9,0	8,0	8,0			8,5	9,0	8,6	8.4			Học tốt, ngoan, hiền
25	Nguyễn Võ Phương Nhi	9,0	9,0	9,0			8,0	8,5	8,6	8.5			Học tốt, ngoan, hiền
26	Phan Thị Hồng Nhung	8,0	8,0	9,0			6,0	8,0	7,6	7.9			Học khá
27	Nguyễn Quỳnh Như	9,0	9,0	9,0			8,5	8,5	8,7	8.7			Học tốt, ngoan, hiền
28	Tô Nguyễn Yến Như	9,0	9,0	9,0			7,0	8,0	8,1	8.3			Học tốt, ngoan, hiền
29	Châu Thị Mỹ Nương	9,0	8,0	8,0			7,5	9,5	8,6	8.7			Học tốt, ngoan, hiền
30	Phạm Hải Oanh												
31	Phạm Nhật Phát	8,0	9,0	9,0			8,5	8,5	8,6	8.6			Học tốt, ngoan, hiền
32	Lê Hoàng Gia Phúc	9,0	9,0	9,0			10,0	7,0	8,5	8.4			Học tốt, ngoan, hiền
33	Nguyễn Thiện Phúc	9,0	9,0	9,0			9,5	8,5	8,9	8.7			Học tốt, ngoan, hiền
34	Nguyễn Hoàng Quân	9,0	9,0	9,0			8,5	8,5	8,7	8.5			Học tốt, ngoan, hiền
35	Phạm Mỹ Sương	9,0	9,0	9,0			9,0	9,0	9,0	9.0			Học tốt, ngoan, hiền
36	Trần Văn Tâm	9,0	9,0	8,0			8,0	8,5	8,4	8.3			Học tốt, ngoan, hiền
37	Trần Tuấn Thành	8,0	9,0	9,0			7,0	5,0	6,9	7.4			Học khá
38	Trần Thị Cẩm Thu	9,0	9,0	8,0			8,0	9,0	8,6	8.4			Học tốt, ngoan, hiền
39	Phạm Phương Thuý	9,0	8,0	9,0			7,0	7,0	7,6	8.0			Học khá
40	Đào Hồng Anh Thư	9,0	9,0	9,0			7,5	9,0	8,6	8.4			Học tốt, ngoan, hiền
41	Nguyễn Đặng Ánh Tuyết	9,0	9,0	9,0			8,5	8,5	8,7	8.4			Học tốt, ngoan, hiền
42	Lê Trần Oanh Vy	9,0	8,0	9,0			7,5	9,0	8,5	8.4			Học tốt, ngoan, hiền
43	Hồ Ngọc Phương Vy	8,0	9,0	9,0			9,0	8,0	8,5	8.4			Học tốt, ngoan, hiền
44	Nguyễn Ngọc Như Ý	9,0	9,0	8,0			9,0	9,0	8,9	8.7			Học tốt, ngoan, hiền

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trường An

Giáo dục thể chất

(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phạm Hồng Hải

HỌC KỲ II													
Giáo dục địa phương (dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)													
STT	Họ và tên	Mức đánh giá										Ghi Chú	
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)											
		Thường Xuyên					Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại		
Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)											Học kỳ	Cuối năm	
1	Nguyễn Hoài An	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
2	Nguyễn Ngọc Văn Anh	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
3	Lê Hoài Ân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
4	Lữ Gia Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
5	Nguyễn Thiên Bảo	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
6	Nguyễn Giang Minh Châu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
7	Nguyễn Minh Dương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
8	Nguyễn Tấn Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
9	Phạm Tiến Đạt	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
10	Võ Tấn Đồ	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
11	Võ Thị Hồng Gấm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
12	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
13	Huỳnh Thanh Hoàng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
14	Võ Minh Hùng	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
15	Nguyễn Thị Tuyết Hương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
16	Nguyễn Đăng Khôi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
17	Huỳnh Minh Khôi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
18	Ngô Linh Lan	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
19	Nguyễn Võ Hoàng Long	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
20	Nguyễn Hữu Thành Long	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
21	Lâm Gia Lợi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
22	Lâm Thị Thanh Mai	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
23	Lê Hạo Nam	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
24	Trần Thị Tuyết Ngân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
25	Nguyễn Võ Phương Nhi	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
26	Phan Thị Hồng Nhung	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
27	Nguyễn Quỳnh Như	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
28	Tô Nguyễn Yến Như	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
29	Châu Thị Mỹ Nương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
30	Phạm Hải Oanh												
31	Phạm Nhựt Phát	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
32	Lê Hoàng Gia Phúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
33	Nguyễn Thiện Phúc	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
34	Nguyễn Hoàng Quân	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
35	Phạm Mỹ Sương	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
36	Trần Văn Tâm	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
37	Trần Tuấn Thành	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
38	Trần Thị Cẩm Thu	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
39	Phạm Phương Thuý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
40	Đào Hồng Anh Thư	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
41	Nguyễn Đăng Ánh Tuyết	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
42	Lê Trần Oanh Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
43	Hồ Ngọc Phương Vy	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ
44	Nguyễn Ngọc Như Ý	Đ	Đ				Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành nhiệm vụ

Giáo viên môn học

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Xuân Trường, Phạm Thị Ngọc Diệu

HĐTrN-HN														HỌC KỲ II													
														(dùng cho môn học đánh giá bằng nhận xét)													
STT	Họ và tên	Mức đánh giá												Ghi Chú													
		Đạt(Đ), Chưa đạt(CĐ)																									
		Thường Xuyên						Giữa kỳ	Cuối kỳ	Học kỳ	Cuối năm	Mức đánh giá lại															
												Đạt(Đ), Chưa đạt (CĐ)		Học kỳ		Cuối năm											
1	Nguyễn Hoài An	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
2	Nguyễn Ngọc Văn Anh	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực													
3	Lê Hoài Ân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
4	Lữ Gia Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
5	Nguyễn Thiên Bảo	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
6	Nguyễn Giang Minh Châu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực													
7	Nguyễn Minh Dương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực													
8	Nguyễn Tấn Đạt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực													
9	Phạm Tiến Đạt	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực													
10	Võ Tấn Đồ	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
11	Võ Thị Hồng Gấm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
12	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
13	Huỳnh Thanh Hoàng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
14	Võ Minh Hùng	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
15	Nguyễn Thị Tuyết Hương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
16	Nguyễn Đăng Khôi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
17	Huỳnh Minh Khôi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực													
18	Ngô Linh Lan	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
19	Nguyễn Võ Hoàng Long	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
20	Nguyễn Hữu Thành Long	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
21	Lâm Gia Lợi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
22	Lâm Thị Thanh Mai	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
23	Lê Hạo Nam	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực													
24	Trần Thị Tuyết Ngân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
25	Nguyễn Võ Phương Nhi	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
26	Phan Thị Hồng Nhung	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
27	Nguyễn Quỳnh Như	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực													
28	Tô Nguyễn Yến Như	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực													
29	Châu Thị Mỹ Nương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực													
30	Phạm Hải Oanh																										
31	Phạm Nhựt Phát	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực													
32	Lê Hoàng Gia Phúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực													
33	Nguyễn Thiện Phúc	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực													
34	Nguyễn Hoàng Quân	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
35	Phạm Mỹ Sương	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực													
36	Trần Văn Tâm	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
37	Trần Tuấn Thành	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
38	Trần Thị Cẩm Thu	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
39	Phạm Phương Thuý	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
40	Đào Hồng Anh Thư	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
41	Nguyễn Đặng Ánh Tuyết	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
42	Lê Trần Oanh Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													
43	Hồ Ngọc Phương Vy	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt, tích cực													
44	Nguyễn Ngọc Như Ý	Đ	Đ					Đ	Đ	Đ	Đ			Hoàn thành tốt													

Giáo viên môn học
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trường An

TỔNG HỢP HỌC KỲ II

Số T T	Họ và tên	Môn học đánh giá bằng nhận xét			Môn học đánh giá bằng nhận xét kết hợp đánh giá bằng điểm số									Kết quả học tập	Kết quả rèn luyện
		Giáo dục thể chất	Giáo dục địa phương	HDTrN- HN	Toán	Vật lý	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch sử	Ngoại ngữ 1	Giáo Dục Quốc Phong	Công nghệ cơ khí		
1	Nguyễn Hoài An	Đ	Đ	Đ	6,0	6,8	7,5	7,6	6,3	7,1	6,2	5,7	8,1	Đ	T
2	Nguyễn Ngọc Vân Anh	Đ	Đ	Đ	8,6	6,5	7,2	8,8	8,3	9,0	6,4	6,7	8,9	K	T
3	Lê Hoài Ân	Đ	Đ	Đ	7,7	7,8	9,2	8,7	6,4	8,9	7,9	7,6	8,3	K	T
4	Lữ Gia Bảo	Đ	Đ	Đ	6,6	6,4	8,9	8,4	6,1	7,7	6,6	9,3	7,0	K	T
5	Nguyễn Thiên Bảo	Đ	Đ	Đ	6,2	7,5	8,7	8,8	6,1	7,4	6,4	6,7	8,7	K	T
6	Nguyễn Giang Minh Châu	Đ	Đ	Đ	8,9	9,1	8,8	9,0	7,7	8,6	7,8	7,6	8,6	T	T
7	Nguyễn Minh Dương	Đ	Đ	Đ	6,0	7,3	7,6	8,0	6,4	8,1	6,4	6,4	8,6	Đ	T
8	Nguyễn Tấn Đạt	Đ	Đ	Đ	4,6	5,6	6,3	7,4	6,8	5,5	5,5	7,4	7,5	Đ	K
9	Phạm Tiến Đạt	Đ	Đ	Đ	7,1	7,0	7,7	7,7	7,1	7,1	6,1	8,3	8,7	K	K
10	Vô Tấn Đô	Đ	Đ	Đ	5,8	6,7	6,9	8,3	6,8	8,0	7,2	8,6	7,4	K	T
11	Vô Thị Hồng Gấm	Đ	Đ	Đ	8,1	6,9	8,9	8,6	7,1	7,6	5,9	7,6	8,4	K	T
12	Nguyễn Thị Ngọc Hân	Đ	Đ	Đ	6,5	7,1	7,4	8,2	7,7	7,2	6,2	6,1	8,4	K	T
13	Huỳnh Thanh Hoàng	Đ	Đ	Đ	8,0	7,9	8,6	8,2	7,3	8,7	7,4	6,9	8,7	K	T
14	Vô Minh Hùng	Đ	Đ	Đ	5,6	6,7	7,3	8,3	6,4	7,7	7,2	8,0	7,0	K	T
15	Nguyễn Thị Tuyết Hương	Đ	Đ	Đ	8,3	7,3	9,0	8,1	9,3	8,9	8,1	7,9	8,9	T	T
16	Nguyễn Đăng Khôi	Đ	Đ	Đ	9,4	8,5	9,4	8,7	7,7	8,9	8,8	7,4	8,6	T	T
17	Huỳnh Minh Khôi	Đ	Đ	Đ	7,6	6,1	7,6	7,2	6,7	7,4	6,5	8,7	7,5	K	T
18	Ngô Linh Lan	Đ	Đ	Đ	7,2	7,0	6,9	8,0	6,3	8,3	7,0	5,9	8,3	K	T
19	Nguyễn Vô Hoàng Long	Đ	Đ	Đ	6,8	6,0	8,6	7,4	5,6	8,1	5,9	8,4	6,9	K	T
20	Nguyễn Hữu Thành Long	Đ	Đ	Đ	4,6	5,8	7,9	7,3	5,8	7,6	5,3	7,6	8,4	Đ	K
21	Lâm Gia Lợi	Đ	Đ	Đ	7,2	6,4	7,5	8,4	6,7	7,1	6,2	6,7	8,2	K	T
22	Lâm Thị Thanh Mai	Đ	Đ	Đ	8,4	7,9	7,9	8,6	8,3	7,9	6,0	6,9	8,8	K	T
23	Lê Hạo Nam	Đ	Đ	Đ	5,0	6,5	6,2	7,6	5,9	8,1	5,8	5,6	7,9	Đ	K
24	Trần Thị Tuyết Ngân	Đ	Đ	Đ	7,8	8,7	8,4	8,4	9,3	9,2	7,6	7,9	8,6	T	T
25	Nguyễn Vô Phương Nhi	Đ	Đ	Đ	8,5	7,5	8,6	8,8	7,8	8,6	8,0	7,9	8,6	T	T
26	Phan Thị Hồng Nhung	Đ	Đ	Đ	7,3	6,7	8,3	7,8	6,9	8,7	6,7	7,9	7,6	K	T
27	Nguyễn Quỳnh Như	Đ	Đ	Đ	8,5	7,3	8,2	8,5	6,9	9,2	6,5	6,7	8,7	K	T
28	Tô Nguyễn Yến Như	Đ	Đ	Đ	9,8	8,5	9,6	8,6	7,4	8,7	7,7	7,4	8,1	T	T
29	Châu Thị Mỹ Nương	Đ	Đ	Đ	7,1	7,3	8,9	7,9	7,7	9,1	7,0	7,6	8,6	K	T
30	Phạm Hải Oanh														
31	Phạm Nhựt Phát	Đ	Đ	Đ	7,8	7,4	8,7	9,2	7,1	8,7	7,6	8,1	8,6	K	T
32	Lê Hoàng Gia Phúc	Đ	Đ	Đ	7,5	8,3	7,0	8,6	6,4	6,6	8,0	6,7	8,5	K	T
33	Nguyễn Thiện Phúc	Đ	Đ	Đ	8,1	6,2	8,9	8,6	6,0	8,4	7,6	7,0	8,9	K	T
34	Nguyễn Hoàng Quân	Đ	Đ	Đ	8,1	7,8	8,8	8,5	6,6	8,7	7,7	7,0	8,7	K	T
35	Phạm Mỹ Sương	Đ	Đ	Đ	9,0	9,0	9,5	9,2	8,4	9,9	7,7	9,9	9,0	T	T
36	Trần Văn Tâm	Đ	Đ	Đ	4,9	5,7	7,3	7,2	5,8	7,1	5,1	8,0	8,4	Đ	T
37	Trần Tuấn Thành	Đ	Đ	Đ	6,6	6,2	7,3	7,3	6,9	8,3	6,1	7,7	6,9	K	T
38	Trần Thị Cẩm Thu	Đ	Đ	Đ	8,0	7,7	8,4	8,3	7,8	8,5	5,6	8,0	8,6	K	T
39	Phạm Phương Thuý	Đ	Đ	Đ	7,4	7,2	6,9	7,6	5,7	7,2	6,1	5,9	7,6	K	T
40	Đào Hồng Anh Thư	Đ	Đ	Đ	7,9	7,4	9,5	8,0	7,2	9,1	7,2	6,4	8,6	K	T
41	Nguyễn Đặng Ánh Tuyết	Đ	Đ	Đ	9,3	7,5	9,4	9,1	7,2	9,1	7,6	8,4	8,7	T	T
42	Lê Trần Oanh Vy	Đ	Đ	Đ	7,3	7,9	7,8	8,1	9,3	8,7	7,8	8,3	8,5	K	T
43	Hồ Ngọc Phương Vy	Đ	Đ	Đ	6,3	6,6	7,0	8,2	7,7	8,4	6,0	6,1	8,5	K	K
44	Nguyễn Ngọc Như Ý	Đ	Đ	Đ	7,7	7,9	8,2	8,0	8,9	8,5	7,0	8,1	8,9	T	T

Giáo viên chủ nhiệm
Ký và ghi rõ họ tên

Phạm Thị Thanh Giang

PHẦN GHI KẾT QUẢ

CUỐI NĂM HỌC

TỔNG HỢP CẢ NĂM HỌC

Số TT	Họ và tên	Mức đánh giá		Mức đánh giá sau khi rèn luyện trong kì nghỉ hè; kiểm tra, đánh giá lại		Tổng số buổi nghỉ học	Được lên lớp	Không được lên lớp	Khen thưởng	Tổng hợp chung
				Kết quả rèn luyện	Kết quả học tập					
1	Nguyễn Hoài An	T	K				Lên lớp			Tổng số học sinh: 43
2	Nguyễn Ngọc Vân Anh	T	K				Lên lớp			
3	Lê Hoài Ân	T	K				Lên lớp			
4	Lữ Gia Bảo	T	K				Lên lớp			
5	Nguyễn Thiên Bảo	T	K				Lên lớp			
6	Nguyễn Giang Minh Châu	T	T			3	Lên lớp		Học sinh Giỏi	- Được lên lớp: 43 trong đó 0 học sinh Được lên lớp sau khi học tập, rèn luyện thêm trong hè.
7	Nguyễn Minh Dương	T	K			2	Lên lớp			
8	Nguyễn Tấn Đạt	K	Đ			1	Lên lớp			
9	Phạm Tiến Đạt	K	K			1	Lên lớp			
10	Vô Tấn Đô	T	K				Lên lớp			
11	Vô Thị Hồng Gấm	T	K				Lên lớp			- Không được lên lớp: 0
12	Nguyễn Thị Ngọc Hân	T	K				Lên lớp			
13	Huỳnh Thanh Hoàng	T	K			2	Lên lớp			
14	Vô Minh Hùng	T	K			1	Lên lớp			
15	Nguyễn Thị Tuyết Hương	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
16	Nguyễn Đăng Khôi	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	Giáo viên chủ nhiệm (Ký và ghi rõ họ tên)
17	Huỳnh Minh Khôi	T	K			2	Lên lớp			
18	Ngô Linh Lan	T	K			1	Lên lớp			
19	Nguyễn Võ Hoàng Long	T	K			5	Lên lớp			
20	Nguyễn Hữu Thành Long	K	Đ			3	Lên lớp			
21	Lâm Gia Lợi	T	K			21	Lên lớp			Phạm Thị Thanh Giang
22	Lâm Thị Thanh Mai	T	K				Lên lớp			
23	Lê Hạo Nam	K	Đ			3	Lên lớp			
24	Trần Thị Tuyết Ngân	T	T			1	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
25	Nguyễn Võ Phương Nhi	T	T			1	Lên lớp		Học sinh Giỏi	
26	Phan Thị Hồng Nhung	T	K				Lên lớp			Hiệu trưởng (Ký tên, đóng dấu)
27	Nguyễn Quỳnh Như	T	K				Lên lớp			
28	Tô Nguyễn Yến Như	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
29	Châu Thị Mỹ Nương	T	K			6	Lên lớp			
30	Phạm Hải Oanh	-	-				-		-	
31	Phạm Nhựt Phát	T	K			1	Lên lớp			Nguyễn Minh Triều
32	Lê Hoàng Gia Phúc	T	K			4	Lên lớp			
33	Nguyễn Thiện Phúc	T	K				Lên lớp			
34	Nguyễn Hoàng Quân	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
35	Phạm Mỹ Sương	T	T			3	Lên lớp		Học sinh Xuất sắc	
36	Trần Văn Tâm	T	Đ			9	Lên lớp			
37	Trần Tuấn Thành	T	Đ				Lên lớp			
38	Trần Thị Cẩm Thu	T	K				Lên lớp			
39	Phạm Phương Thuý	T	K				Lên lớp			
40	Đào Hồng Anh Thư	T	K				Lên lớp			
41	Nguyễn Đặng Ánh Tuyết	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
42	Lê Trần Oanh Vy	T	T				Lên lớp		Học sinh Giỏi	
43	Hồ Ngọc Phương Vy	K	K			10	Lên lớp			
44	Nguyễn Ngọc Như Ý	T	T			4	Lên lớp		Học sinh Giỏi	

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG
VỀ SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 9		Nguyễn Minh Triều
Tháng 10		Nguyễn Minh Triều
Tháng 11		Nguyễn Minh Triều
Tháng 12		Nguyễn Minh Triều
Tháng 1		Nguyễn Minh Triều

**NHẬN XÉT CỦA HIỆU TRƯỞNG VỀ
SỬ DỤNG SỔ THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ HỌC SINH**

Tháng	Nhận xét cụ thể về sử dụng sổ	Ký tên, đóng dấu
Tháng 2		Nguyễn Minh Triều
Tháng 3		Nguyễn Minh Triều
Tháng 4		Nguyễn Minh Triều
Tháng 5		Nguyễn Minh Triều